



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK
 NĂM 2023

M C L C

I.	Thông tin chung	5
1.	Thông tin khái quát	5
2.	Ngành nghề và a bàn kinh doanh	11
2.1	Ngành nghề kinh doanh	11
2.2	a bàn kinh doanh	11
3.	Thông tin v mô hình qu n tr , t ch c kinh doanh và b máy qu n lý	11
3.1	Mô hình qu n tr	11
3.2	C c u b máy qu n lý	12
3.3	Các chi nhánh và a i m kinh doanh	12
3.4	Các công ty u t - liên k t	14
4.	nh h ng phát tri n	15
4.1	Các m c tiêu ch y u c a Công ty	15
4.2	Chi n l c phát tri n trung và dài h n	15
4.3	Các m c tiêu phát tri n b n v ng (môi tr ng, xã h i và c ng ng) và ch ng trình chính liên quan n ng n h n và trung h n c a Công ty	15
5.	Các r i ro	16
II.	Tình hình ho t ng trong n m	17
1.	Tình hình ho t ng s n xu t kinh doanh	17
2.	T ch c và nhân s	17
2.1	Danh sách Ban i u hành	17
2.2	Tóm t t lý l ch Ban i u hành	18
2.3	Nh ng thay i trong Ban i u hành	21
2.4	S l ng cán b , nhân viên	21
3.	Tình hình u t , tình hình th c hi n các d án	22
3.1	Các kho n u t l n	22
3.2	Các công ty con, công ty liên k t	22
4.	Tình hình tài chính	23
4.1	Tình hình tài chính	23
4.2	Các ch tiêu tài chính ch y u	23
5.	C c u c ông, thay i v n u t c a ch s h u	24
5.1	C ph n	24
5.2	C c u c ông	24
5.3	Tình hình thay i v n u t c a ch s h u	26

5.4	Giao d ch c phi u qu	26
5.5	Các ch ng khoán khác	26
6.	Báo cáo tác ng liên quan n môi tr ng và xã h i c a công ty	26
6.1	Tác ng lên môi tr ng.....	26
6.2	Qu n lý ngu n nguyên v t li u.....	26
6.3	Tiêu th n ng l ng.....	26
6.4	Tiêu th n c.....	27
6.5	Tuân th pháp lu t v b o v môi tr ng.....	27
6.6	Chính sách liên quan n ng i lao ng.....	28
6.7	Báo cáo liên quan n trách nhi m i v i c ng ng a ph ng.....	30
6.8	Báo cáo liên quan n ho t ng th tr ng v n xanh theo h ng d n c a UBCKNN.....	31
III.	Báo cáo và ánh giá c a Ban giám c.....	31
1.	ánh giá k t qu ho t ng s n xu t kinh doanh.....	31
2.	Tình hình tài chính.....	32
2.1	Tình hình tài s n.....	32
2.2	Tình hình n ph i tr	32
2.3	Tình hình các kho n ph i thu.....	33
3.	Nh ng c i ti n v c c ut ch c, chính sách, qu n lý.....	33
4.	K ho ch phát tri n trong t ng lai	33
4.1	V kinh doanh và u t	33
4.2	M t s bi n pháp chung.....	34
5.	Gi i trình c a Ban giám c i v i ý ki n ki m toán.....	35
6.	Báo cáo ánh giá liên quan n trách nhi m v môi tr ng và xã h i c a công ty 35	
6.1	ánh giá liên quan n các ch tiêu môi tr ng (tiêu th n c, n ng l ng, phát th i ...)	35
6.2	ánh giá liên quan n v n ng i lao ng	36
6.3	ánh giá liên quan n trách nhi m c a doanh nghi p i v i c ng ng a ph ng.....	36
IV.	ánh giá c a H i ng qu n tr v ho t ng c a Công ty	37
1.	ánh giá c a H i ng qu n tr v các m t ho t ng c a Công ty.....	37
2.	ánh giá c a H i ng qu n tr v ho t ng c a Ban giám c Công ty.....	37
3.	K t qu th c hi n ngh quy t c a i h i ng c ông th ng niên 2023.....	37
4.	Các k ho ch, nh h ng c a H i ng qu n tr	38

V.	Quản trị công ty.....	39
1.	Hội đồng quản trị	39
1.1	Thành viên và chức vụ của Hội đồng quản trị	39
1.2	Các tiêu chuẩn chức vụ Hội đồng quản trị	40
1.3	Họ tước của Hội đồng quản trị	40
2.	Ban Kiểm soát.....	43
2.1	Thành viên và chức vụ của Ban kiểm soát.....	43
2.2	Họ tước của Ban kiểm soát	44
2.3	Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty.....	44
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	46
3.1	Lương, thù lao, thù lao, các khoản lợi ích.....	46
3.2	Giao dịch có phí của ngân hàng	47
3.3	Hợp đồng hoặc giao dịch với ngân hàng	47
3.4	Đánh giá về các thực hiện các quy định về quản trị công ty.....	50
VI.	Báo cáo tài chính	50
1.	Ý kiến kiểm toán.....	50
2.	Báo cáo tài chính của kiểm toán.....	51

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301776205
- Vốn đầu tư: 141.404.870.000 (Một trăm bốn mươi mốt tỷ bốn trăm tám mươi bảy triệu đồng)
- Vốn thực thu: 141.404.870.000 (Một trăm bốn mươi mốt tỷ bốn trăm tám mươi bảy triệu đồng)
- Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sĩ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại: 028 3991 9259
- Website: www.vinalinklogistics.com
- Mã chứng khoán: **VNL**

- Quá trình hình thành và phát triển:

- ❖ Ngày thành lập Công ty: 16/07/1999.
- ❖ Thời điểm niêm yết: ngày 17/08/2009, chứng khoán của Công ty chính thức niêm yết trên sàn Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán **VNL**.
- ❖ Thời gian các cơ sở kiểm soát khi thành lập nay:

Năm 1998:

- ❖ Công ty Vinatrans thành lập Xí nghiệp quản lý Vận tải và Góm hàng với tên giao dịch là **VINACONSOL**.

Năm 1999:

- ❖ Ngày 24/06/1999: Bộ trưởng Bộ Thương mại ban hành Quyết định số 0776/1999/QĐ-BTM phê duyệt Đề án chuyển đổi và tái cấu trúc DNNN VINATRANS, chuyển Xí nghiệp quản lý vận tải và góm hàng thành Công ty cổ phần Giao nhận vận tải và Thương mại, tên giao dịch: **VINALINK**; vốn đầu tư 8 tỷ VNĐ (Nhà nước góp 10%); chuyên kinh doanh các dịch vụ giao nhận vận tải, kho bãi, vận phòng, xuất nhập khẩu ...
- ❖ Ngày 16/07/1999: Hội đồng công thành lập Công ty hợp thông qua Điều lệ, cấu trúc cơ bản, Bộ Quy tắc và Ban kiểm soát ... Theo đó cấu trúc cơ bản Công ty bao gồm:

- Ban giám đốc.
- Phòng tiếp thị vận tải và gom hàng.
- Phòng tiếp thị hãng tàu Hapag-Lloyd.
- Kho 145 Nguyễn Tất Thành.
- Phòng Kế toán - Hành chính.

❖ Ngày 01/09/1999: Công ty chính thức hoạt động theo tổ chức pháp nhân đã đăng ký với Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ngày 31/07/1999.

Năm 2000:

- ❖ Ngày 07/03/2000: Vinalink gia nhập Hiệp hội Giao nhận Kho vận Việt Nam VIFFAS.
- ❖ Ngày 05/04/2000: Vinalink trở thành hội viên Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam VCCI.
- ❖ Ngày 24/06/2000: Tổ chức đánh giá quốc tế DNV (Na Uy) chứng nhận Vinalink thực hiện hệ thống quản trị theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9002, nay là ISO 9001:2000.

Năm 2001:

- ❖ Ngày 01/01/2001: Phòng Giao nhận Hàng không được thành lập và chính thức hoạt động tại văn phòng A8 Trưng Sứ, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh sau chuyển về 44 Trưng Sứ, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
- ❖ Ngày 01/09/2001: Phòng Logistics được thành lập và chính thức hoạt động.

Năm 2002:

- ❖ Vinalink gia nhập Hiệp hội Giao nhận quốc tế FIATA.
- ❖ Ngày 13/05/2002: Công ty tăng vốn điều lệ lên gấp 3 lần, vốn điều lệ là 24 tỷ VNĐ.

Năm 2003:

- ❖ Tháng 6/2003: Vinalink góp vốn trở thành 1 trong 3 bên phía Việt Nam trong Công ty liên doanh vận tải Việt - Nhật (Konoike Vina).
- ❖ Tháng 10/2003: Vinalink cùng Freight Consolidators Pte.Ltd. (Singapore) thành lập Công ty liên doanh tiếp thị vận chuyển FC (Vietnam) chuyên kinh doanh dịch vụ tiếp thị cho các hãng hàng không quốc tế như British Airways, Royal Brunei Airlines ...

N m 2004:

- ❖ Văn phòng Công ty t i Khu công nghi p Vi t Nam - Singapore (Bình D ùng) chính th c ho t ùng.
- ❖ Tháng 9/2004: Công ty k ì ni m 5 n m ho t ùng và ón nh n Huân ch ùng Lao ùng h ùng Ba do Ch ùt ch ùn c th ùng v ùnh ùng thành tích xu t s c trong 5 n m 1999 - 2003, góp ph ùn vào s ùng nghi p xây d ùng và b o v T ùc.
- ❖ Ngày 11/10/2004: T ùng c c H ùi quan c p phép thành l p Kho ngo ùi quan Vinalink t i 145 Nguy ùn T t Thành, Qu ùn 4, Thành ph H Chí Minh. Tháng 12/2004: Kho ngo ùi quan Vinalink t i p ùn n lô hàng ù tiên c a khách hàng Schneider Electric Overseas Asia Pte. Ltd.
- ❖ Tháng 12/2004: Vinalink tham gia thành l p Công ty TNHH 3 thành viên v ùn t i ô tô V-Truck.

N m 2005:

- ❖ Ngày 01/01/2005: Chi nhánh công ty t i Hà N ùi chính th c ho t ùng.
- ❖ Ngày 01/04/2005: Công ty TNHH RCL (Vietnam) - công ty liên doanh gi a Vinalink (45% v ùn), SGN và Hãng tàu RCL (Singapore) chính th c ho t ùng.
- ❖ Ngày 01/08/2005: Công ty TNHH Hapag - Lloyd (Vietnam) - công ty liên doanh gi a Vinalink và Hãng tàu Hapag-Lloyd (ùc) chính th c ho t ùng.
- ❖ Tháng 8/2005: Công ty t ùng v ùn ùi ul ùn 36 t VN ù.
- ❖ Ngày 15/09/2005: B ùi Giao thông v ùn t i c p phép kinh doanh v ùn t i a ph ùng th c cho Vinalink.

N m 2006:

- ❖ T ùng ngày 04/09/2006: chính th c tri ùn khai d ch v ù chuy ùn phát nhanh n ùi a - Vinalink Express.
- ❖ Tháng 10/2006: Công ty ùc B ùi Khoa h c và công ngh ù trao t ùng Cúp vàng ISO - gi ùi th ùng dành cho các ùn v ù có thành tích xu t s c trong v ùc áp d ùng h ù th ùng qu ùn lý theo tiêu chu ùn qu c t ù vào ho t ùng s ùn xu t - kinh doanh.

N m 2007:

- ❖ Ngày 24/10/2007: UBND TPHCM c p Gi ùy ch ùng nh ùn ùt cho CÔNG TY TNHH ùI U HÀNH V ùN CHUY ùN HÀNG HÓA LIÊN K ùT, tên giao d ch là LCM Co., Ltd. ùây là công ty liên doanh gi a Vinalink và Freight Consolidators Pte, Ltd (Singapore), chuyên kinh doanh d ch v ù ùi lý v ùn chuy ùn qu c t ù. LCM Co., Ltd ù ùc hãng hàng không Cargolux Airlines (Luxembourg) ch ùnh làm t ùng ùi lý hàng hóa (GSA) t i Vi t Nam.

N m 2008:

- ❖ Triển khai dịch vụ ngân hàng số tại Việt Nam ở Kazakhstan, Uzbekistan, Mông Cổ, Nga ...
- ❖ Tháng 10/2008: Vinalink được trao Giải thưởng - Cúp vàng “*Công ty công nhân hàng đầu Việt Nam*” năm 2008 do Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam, Trung tâm thông tin Tín dụng - NHNN, Tạp chí Chứng khoán - UBCKNN và một số cơ quan chức năng tổ chức bình chọn và trao tặng.

N m 2009:

- ❖ Ngày 17/08/2009: Chứng khoán của Công ty chính thức niêm yết trên sàn Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán VNL.
- ❖ Ngày 01/10/2009: Chi nhánh Công ty tại Hội Phòng chính thức hoạt động.
- ❖ Ngày 11/10/2009: Vinalink nhận Giải thưởng - Cúp vàng “*Công ty công nhân hàng đầu Việt Nam*” năm 2009.
- ❖ Ngày 31/10/2009: Công ty vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì do Chủ tịch nước tặng thưởng vì những thành tích xuất sắc trong 10 năm 1999 - 2009.

N m 2010:

- ❖ Depot Vinalink chính thức hoạt động từ ngày 01/06/2010.
- ❖ Ngày 17/12/2010: Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia cấp Giấy phép hoạt động cho VPĐ của Công ty tại Phnompenh.

N m 2011:

- ❖ Ngày 06/05/2011: Tham gia thành lập Công ty công nhân Logistics Kim Thành (Lào Cai). Ngày 11/11/2011: Trung tâm Logistics Kim Thành chính thức khởi công xây dựng dự án dịch vụ kho bãi của Lãnh đạo tỉnh Lào Cai, Bộ Công Thương và Lãnh đạo, doanh nhân tỉnh Vân Nam (Trung Quốc).

- ❖ Ngày 16/07/2011: Nhân ngày thành lập Công ty, chính thức giới thiệu Hệ thống nhân viên thi công hiu m i, bao gồm:

Logo:



Tên miền: headoffice@vinalinklogistics.com

Trang Web: www.vinalinklogistics.com

- ❖ Cuối năm 2011: theo kết quả đánh giá của Công ty chuyên đánh giá Việt Nam, Công ty thuộc TOP 500 Doanh nghiệp phát triển nhanh nhất (FAST 500) và TOP 1000 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam, TOP 100 doanh nghiệp có chỉ số tín nhiệm cao và mức uy tín thi công hiu, chất lượng dịch vụ luôn hướng đến sự thỏa mãn của khách hàng theo quy trình đánh giá nhà cung cấp TQS.

Năm 2012:

- ❖ Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Công ty TNHH Hapag-Lloyd (Vietnam) cho phía nước ngoài từ 01/06/2012.
- ❖ Tháng 12/2012: Nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thành tích trong hoạt động kinh doanh các năm 2009 - 2011.

Năm 2013:

- ❖ Ngày 04/01/2013: Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia) đã được Bộ Thương mại Việt Nam quốc Campuchia cấp giấy phép thành lập và nội dung như sau:

) Tên công ty: **Vinalink Logistics (Cambodia) Co., Ltd.**

) Số đăng ký với Bộ Thương mại: Co.3199E/2012, ngày 24/12/2012

) Loại hình công ty: Công ty TNHH Một thành viên

) Vốn đầu tư: USD 25.000 (100.000.000 riel)

N m 2014:

- ❖ Vinalink thay i tên m i k t ngày 24/05/2014 theo Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p s 0301776205 do Phòng ng ký kinh doanh S K ho ch và u t Thành ph H Chí Minh c p thay i l n th 10 ngày 22/05/2014.

) Tên Công ty tr c khi thay i: **CÔNG TY C PH N GIAO NH N V N T I VÀ TH NG M I**

) Tên Công ty sau khi thay i: **CÔNG TY C PH N LOGISTICS VINALINK**

) Tên vi t t t: **VINALINK**

N m 2018:

- ❖ Ngày 01/06/2018: Chi nhánh Công ty t i à N ng chính th c ho t ng.
- ❖ Ngày 01/07/2018: Chi nhánh Công ty t i Quy Nh n chính th c ho t ng.

N m 2019:

- ❖ Thay i tr s chính t i 226/2 Lê V n S , Ph ng 1, Qu n Tân Bình, Thành ph H Chí Minh, Vi t Nam t ngày 21/05/2019 theo Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p s 0301776205 do Phòng ng ký kinh doanh S K ho ch và u t Thành ph H Chí Minh c p thay i l n th 16 ngày 21/05/2019.

N m 2021:

- ❖ Ngày 23/11/2021: Quy t nh gi i th Chi nhánh Công ty t i Quy Nh n.
- ❖ Ngày 14/12/2021: Chuy n nh ng Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia), chính th c ch m d t ho t ng, không còn là công ty con.

N m 2022:

- ❖ Ngày 15/04/2022: Công ty t ng v n i u l lên thành 94.270.000.000 VN .

N m 2023:

- ❖ Ngày 12/04/2023: T ch c ch ng nh n ISOQ Vi t Nam ch ng nh n h th ng qu n lý ch t l ng c a Công ty C ph n Logistics Vinalink ã c ánh giá và xác nh n phù h p v i các yêu c u c a tiêu chu n ISO 9001:2015 cho l nh v c cung ng d ch v v n t i a ph ng th c và các d ch v h tr v n t i giao nh n hàng hóa.
- ❖ Ngày 19/04/2023: Khai tr ng VINALINK WAREHOUSE t i T ng kho TTC ng Hu nh - Lô MN, ng s 10, KCN Sóng Th n 1, Ph ng D An, Thành ph D An, T nh Bình D ng.
- ❖ Ngày 31/07/2023: Công ty t ng v n i u l lên thành 141.404.870.000 VN .

- ❖ Ngày 22/12/2023: VINALINK LOGISTICS được vinh danh là TOP 3 đơn vị I TÁC gia n m 2023 của AMAZON GLOBAL SELLING VIETNAM, là đơn vị Logistics hàng đầu trong hành trình của hàng “Made in Vietnam” ra thị trường thế giới.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1 Ngành nghề kinh doanh

- Các ngành nghề kinh doanh dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất:
 - ↳ Giao nhận vận chuyển quốc tế: bao gồm dịch vụ vận chuyển hàng biển, dịch vụ gom hàng lẻ, dịch vụ vận chuyển hàng không, dịch vụ vận chuyển hàng phi hàng không.
 - ↳ Dịch vụ logistics cho hàng xuất nhập khẩu, phân phối hàng hóa trong nước.
 - ↳ Vận tải nội địa (bến biển, sông, biển, sông).

2.2 Địa bàn kinh doanh

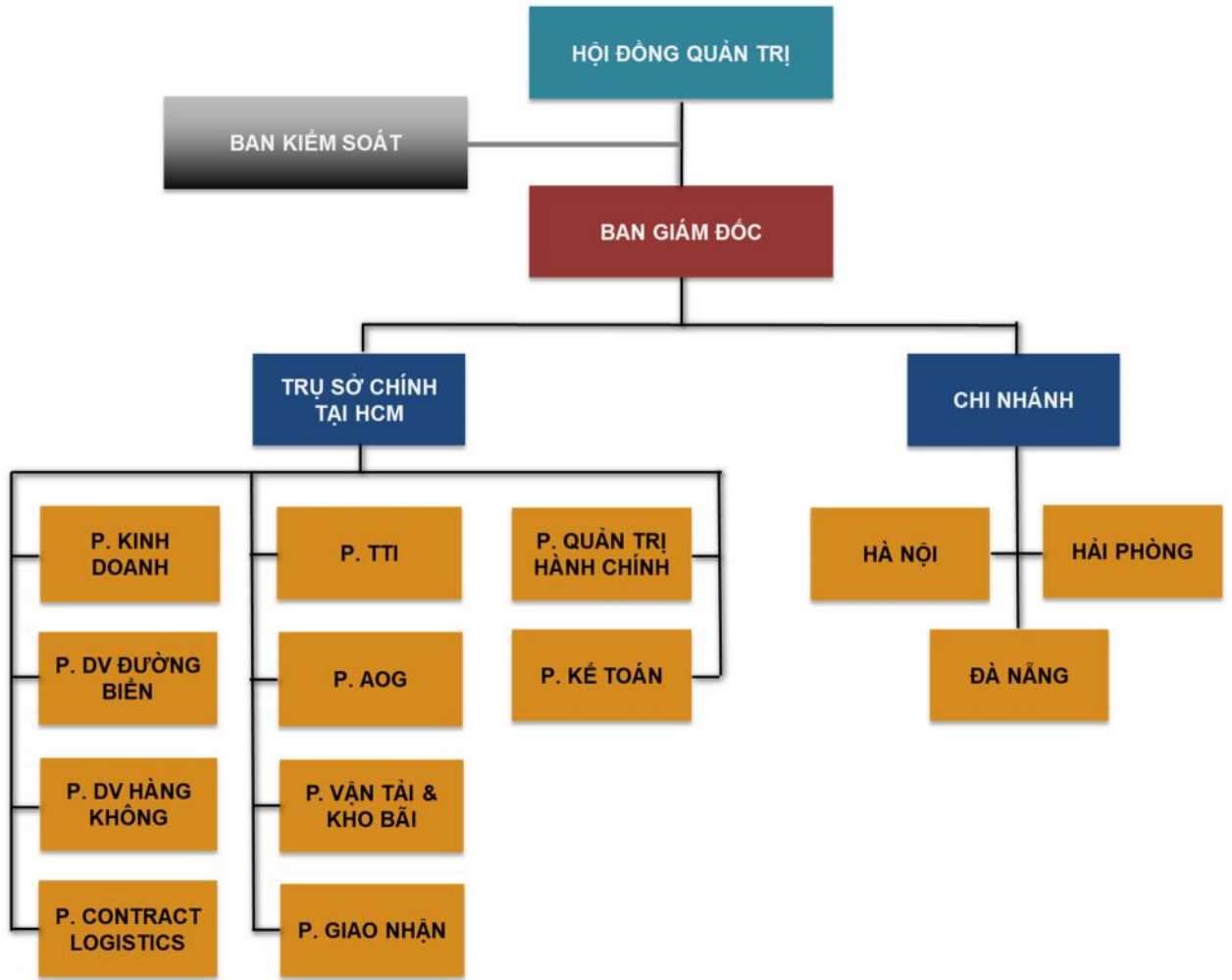
- Các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất): Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị

- Mô hình quản trị: Hội đồng công, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc.
- Ban giám đốc gồm Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng công ty, Giám đốc Pháp chế kiêm Người phụ trách kiểm toán nội bộ công ty.

3.2 C c u b máy qu n lý



3.3 Các chi nhánh và a i m kinh doanh

3.3.1 Các chi nhánh

- Hà Nội:

Chi nhánh Công ty C ̣ ph n Logistics Vinalink (Vinalink Hà N i)

T ̣ ng 06, s 14, Láng H , Ph ̣ ng Thành Công,

Qu n Ba ̣ ình, Thành ph ̣ Hà N i, Vi t Nam

i n tho i: 024 37724234

Fax: 024 37724235

Email: han@vinalinklogistics.com

- H i Phòng:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Logistics Vinalink tại H i Phòng

Phòng 213-214 Tầng 2, Tòa nhà Thành t 1, S 3 ng Lê Thánh Tông,

Ph ng Máy T , Qu n Ngô Quy n, Thành ph H i Phòng, Vi t Nam

ì n tho i: 0225 3979582

Email: hph@vinalinklogistics.com

- à N ng:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Logistics Vinalink tại à N ng

773 Ngô Quy n, Ph ng An H i B c, Qu n S n Trà,

Thành ph à N ng, Vi t Nam

ì n tho i: 0236 3552528 - 0236 3552538

Email: dad@vinalinklogistics.com

3.3.2 a i m kinh doanh

- a i m kinh doanh d ch v i lý v n t i hàng không

62 Tân Canh, Ph ng 1, Qu n Tân Bình, Thành ph H Chí Minh, Vi t Nam

ì n tho i: 028 3848 7252

Email: sgn-air@vinalinklogistics.com

- a i m kinh doanh

145-147 Nguy n T t Thành, Ph ng 13, Qu n 4, Thành ph H Chí Minh,
Vi t Nam

3.4 Các công ty đầu tư - liên kết

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Vốn đầu tư (VNĐ)	Tỷ lệ / vốn đầu tư	Ghi chú
1	Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	436-438 Nguyễn Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP HCM	946.800.000	20,00%	Công ty liên doanh
2	Công ty TNHH Dịch vụ Logistics Việt Nam (FC Vietnam)	46-48 Hùng Vương, Phường 4, Quận Tân Bình, TP HCM	3.918.874.000	30,00%	Công ty liên doanh
3	Công ty TNHH Việt Nhật (Konoike Vina)	18A Lê Trọng Lạc, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP HCM	4.908.430.302	9,15%	Công ty liên doanh
4	Công ty TNHH Dịch vụ hàng Việt Nam chuyên Hàng hóa Liên kết (LCM)	30 Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP HCM	9.007.800.000	30,00%	Công ty liên doanh
5	CTCP Giao nhận Việt Nhật Miền Trung (Vinatrans Danang)	184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	8.784.000.000	27,89%	Công ty liên kết
6	CTCP Logistics Kim Thành	Lô KB 13 Đường T5 Khu Thương mại - Công nghiệp Kim Thành, Phường Duyên Hải, TP Lào Cai, Tỉnh Lào Cai	19.120.589.000	30,00%	Công ty liên kết
7	CTCP Việt Nam chuyên Vinalink (Vinalink Transport)	Lô 3, Indochina Park Tower, 4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Thảo Điền, Quận 1, TP HCM	4.000.000.000	40,00%	Công ty liên kết

4. Hình ảnh phát triển

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Trong bối cảnh thị trường giao nhận vận tải & logistics ngày càng phát triển và hình thức cạnh tranh ngày càng khốc liệt, công ty cần tranh thủ ngày càng lớn, tính chuyên nghiệp ngày càng cao; hoạt động của công ty cần chủ động và thể hiện trên các số liệu kinh doanh, kết quả với các khách hàng, vị trí trong và ngoài nước để tạo dựng lợi thế cạnh tranh mang lại thành công cho tất cả.
- Mục tiêu chủ yếu của Công ty là nhân và phát triển các dịch vụ kinh doanh chủ lực, tìm kiếm cơ hội xuất, thị trường xuyên tìm kiếm và phát triển quan hệ kinh doanh với các đối tác kinh doanh, mở rộng các thị trường hàng năm. Khai thác tối đa các nguồn lực con người, nhân sự, tài chính, vật chất và nâng cao chất lượng các dịch vụ cung cấp, sàng lọc loại bỏ các dịch vụ hiệu quả thấp.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tập trung củng cố vị thế cạnh tranh của các dịch vụ cốt lõi, hàng không quốc tế; chú trọng các dịch vụ logistics trên biển và đường hàng không, dịch vụ vận chuyển và cung cấp hàng hóa.
- Củng cố các thị trường truyền thống và mở rộng thị trường mới.
- Tìm kiếm các cơ hội xuất trong lĩnh vực logistics.
- Nâng cao chất lượng, năng lực và tính chuyên nghiệp của nguồn nhân lực.
- Tăng cường công tác marketing và phát triển thị trường hiệu quả.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh và tăng năng suất lao động.
- Ưu tiên: nghiên cứu và triển khai việc đầu tư kho bãi và vận phòng trong khu vực miền Bắc cho phù hợp thực tế.
- Chú trọng đầu tư phát triển dịch vụ logistics cho thị trường miền Bắc thông qua việc hợp tác với các đối tác kinh doanh kinh doanh ngoài nước để gia tăng lợi nhuận cho khách hàng.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến chiến lược phát triển ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Phát triển dịch vụ tốt vì lợi ích khách hàng và thu nhập nhân viên, tạo cơ hội phát triển cá nhân cho người lao động; xây dựng văn hóa công ty tốt vì môi trường làm việc thân thiện, hiệu quả, đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội xây dựng cộng đồng.
- Các hoạt động kinh doanh và dịch vụ ưu tiên khuyến khích người lao động tích cực có những đóng góp thiết thực góp phần bảo vệ môi trường: xử lý rác thải đúng quy định, tiết kiệm nhiên liệu, điện, nước.

- Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn vận chuyển và các yêu cầu cấp Giấy phép vận chuyển của Công ty và nhà thu phí trong hoạt động kinh doanh vận tải nhằm giảm thiểu rủi ro tai nạn ì vi xe và hàng hóa, hạn chế sự gây hại cho môi trường.

5. Các rủi ro

- Hoạt động kinh doanh dịch vụ logistics có những rủi ro như :
 -) Rủi ro về chính sách, quy định luôn thay đổi nên không phải thay đổi nào cũng tạo thuận lợi hơn cho kinh doanh.
 -) Rủi ro về khách hàng và chi phí trong việc thanh toán do phần lớn các dịch vụ vận tải diễn ra trên các hệ thống không có thể chấp.
 -) Chất lượng dịch vụ không đồng nhất của các bên liên quan dẫn đến không kiểm soát được chất lượng dịch vụ, làm gián đoạn các khâu trong chuỗi logistics, ảnh hưởng đến việc thanh toán hoặc hủy bỏ các hợp đồng dịch vụ.
 -) Các rủi ro trong kinh doanh bao gồm rủi ro về các công cụ tài chính, công nghệ, rủi ro về nhân sự, rủi ro trong lưu thông vận chuyển hàng hóa, rủi ro do cạnh tranh không lành mạnh có nguy cơ rất cao.
 -) Hoạt động giao thông trong nước (đường bộ, đường sắt, đường biển, hàng không) phát triển chưa đồng bộ và chất lượng vận tải chưa đồng đều, chi phí vận tải hàng hóa, làm tăng chi phí vận chuyển và kéo dài thời gian vận chuyển, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, chất lượng sản phẩm, môi trường và lợi nhuận của doanh nghiệp.
 -) Mặc dù đã có dự đoán năm 2023 là một năm sôi động có nhiều khó khăn nhưng tình hình có nhiều diễn biến bất ngờ như chiến tranh Nga-Ucraina vẫn tiếp diễn và chưa có dấu hiệu kết thúc, lạm phát tăng cao ở các khu vực thị trường trung và hạ tầng châu Âu, Mỹ; khủng hoảng tại khu vực biển Đông... làm cho nhu cầu hàng hóa giảm, quan hệ cung cầu thị trường vận tải quốc tế có nhiều bất ổn, tuy nhiên hàng hóa xuất sang EU và US vẫn khá ổn định; giá cước vận tải quốc tế tiếp tục có nhiều biến động khó lường; dịch vụ vận chuyển nội địa cạnh tranh khốc liệt.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm và tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Ch tiêu	N m 2023		N m 2022	T l t ng / gi m	
	K ho ch (VN)	Th c hi n (VN)	Th c hi n (VN)	Th c hi n / K ho ch 2023	2023 / 2022
1. Doanh thu thu n v bán hàng và cung c p d ch v	1.200.000.000.000	729.154.403.208	1.096.727.838.424	60,76%	66,48%
2. L i nhu n thu n t ho t ng kinh doanh		43.816.775.107	53.866.379.238		81,34%
3. L i nhu n khác		-95.486.721	121.952.672		
4. T ng l i nhu n tr c thu	51.000.000.000	43.721.288.386	53.988.331.910	85,73%	80,98%
5. L i nhu n sau thu		37.313.675.053	43.913.344.844		84,97%
6. Lãi c b n trên c phí u		2.586	3.043		84,98%
7. C t c					
8. T l lãi tr c thu / v n i u l		30,92%	57,27%		53,99%
9. T l lãi sau thu / v n i u l		26,39%	46,58%		56,65%

Ngu n: Báo cáo tài chính n m 2023 (ã ki m toán)

- ánh giá, phân tích k t qu và tình hình kinh doanh: Xem Ph n III. Báo cáo và ánh giá c a Ban giám c.

2. T ch c và nhân s

2.1 Danh sách Ban i u hành

STT	H và tên	Ch c v	T l c ph n n m gi / V n i u l (%)	
			01/01/2023	31/12/2023
1	Ông V Qu c B o	T ng giám c	0,76%	0,76%
2	Bà Nguy n Anh Nam	Giám c tài chính kiêm K toán tr ng công ty	0,15%	0,15%
3	Bà Nguy n Anh Th	Giám c Pháp ch kiêm Ng i ph trách ki m toán n i b công ty	0,11%	0,11%

2.2 Tóm tắt lý lịch Ban chỉ u hành

2.2.1 Tóm tắt lý lịch Ông Võ Quốc Bảo

- 1) Họ và tên: Võ Quốc Bảo..... Nam / Nữ : Nam.....
- 2) Ngày tháng năm sinh: 31/12/1970..... Nơi sinh: Bình Định.....
- 3) Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:
- 4) Ngày cấp: Nơi cấp: CCS QLHC và TTXH
- 5) Quốc tịch: Việt Nam..... Dân tộc: Kinh.....
- 6) Nguyên quán: Bình Định.....
- 7) Địa chỉ thường trú:
- 8) Chức hiện nay:
- 9) Điện thoại: Email:
- 10) Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.....
- 11) Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, nhiệm vụ công tác
Từ 1993 đến 2004	Công tác tại Công ty Vinatrans
Từ 2004 đến 2010	Phó Tổng giám đốc Hãng tàu RCL Việt Nam
Từ 2010 đến 21/09/2023	Phó Tổng giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Logistics Vinalink
Từ 22/09/2023 đến nay	Tổng giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Logistics Vinalink

- 12) Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Vinalink: Tổng giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị
- 13) Tên các công ty hiện đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác:

STT	Tên công ty	Chức vụ đang nắm giữ	Ghi chú
1	Công ty TNHH Dịch vụ Logistics Việt Nam (FC VIETNAM)	Thành viên Hội đồng thành viên	
2	Công ty TNHH Chỉ u hành Vận chuyển Hàng hóa Liên kết (LCM)	Thành viên Hội đồng thành viên	
3	CTCP Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Danang)	Thành viên Hội đồng quản trị	
4	Công ty TNHH Vận tải Việt Nam (Konoike Vina)	Thành viên Hội đồng thành viên	

- 14) Số chấp nhận đăng ký tại Vinalink: chấp nhận. Trong đó:
) Cá nhân sử dụng: chấp nhận.
) Sử dụng: chấp nhận.
- 15) Lợi ích có liên quan tại Công ty (nếu có): Không.....
- 16) Quy định mâu thuẫn với Công ty (nếu có): Không

2.2.2 Tóm tắt lý lịch Bà Nguyễn Anh Nam

- 1) Họ và tên: Nguyễn Anh Nam Nam / Nữ : Nữ
- 2) Ngày tháng năm sinh: 13/05/1978..... Nơi sinh: Nha Trang - Khánh Hòa
- 3) Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:
- 4) Ngày cấp: Nơi cấp: CCS QLHC và TTXH
- 5) Quốc tịch: Việt Nam..... Dân tộc: Kinh.....
- 6) Nguyên quán: Nha Trang.....
- 7) Địa chỉ thường trú:
- 8) Chức hiện nay:
- 9) Điện thoại: Email:
- 10) Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - Kế toán
- 11) Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, nhiệm vụ công tác
T 01/01/2005 đến 31/12/2011	Nhân viên Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Logistics Vinalink
T 01/01/2012 đến 31/08/2015	Phó Trưởng phòng Kế toán Công ty Cổ phần Logistics Vinalink
T 01/09/2015 đến 01/07/2016	Quyển Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Logistics Vinalink
T 02/07/2016 đến 22/03/2023	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Logistics Vinalink
T 23/03/2023 đến nay	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng công ty Công ty Cổ phần Logistics Vinalink

- 12) Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Vinalink: Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng công ty
- 13) Tên các công ty hiện đang đăng ký chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý tại các khác: Không.....
- 14) Số chấp nhận đăng ký tại Vinalink: chấp nhận. Trong đó:
) Cá nhân sử dụng: chấp nhận.
) Sử dụng: chấp nhận.

- 15) Lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có): Không.....
Quy định về mâu thuẫn lợi ích Công ty (nếu có): Không.....

2.2.3 Tóm tắt lý lịch Bà Nguyễn Anh Thơ

- 1) Họ và tên: Nguyễn Anh Thơ Nam / Nữ : Nữ
- 2) Ngày tháng năm sinh: 27/03/1976..... Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh.....
- 3) Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:
- 4) Ngày cấp: Nơi cấp: CCS QLHC và TTXH
- 5) Quốc tịch: Việt Nam..... Dân tộc: Kinh.....
- 6) Nguyên quán: Quảng Ngãi
- 7) Địa chỉ thường trú:
- 8) Chức hiện nay:
- 9) Điện thoại: Email:
- 10) Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh (Ngoại ngữ)
- 11) Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, nhiệm vụ công tác
T 06/2003 đến 02/2008	Nhân viên Chăm sóc Khách hàng Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải và Thương mại
T 03/2008 đến 03/2011	Phó phòng Xuất nhập khẩu Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải và Thương mại
T 04/2011 đến 12/2015	Trưởng phòng Chăm sóc Khách hàng Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải và Thương mại
T 01/2016 đến 08/2020	Phó giám đốc Kinh doanh Công ty Cổ phần Logistics Vinalink
T 09/2020 đến 04/2022	Trưởng phòng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Chăm sóc Khách hàng Quốc tế Công ty Cổ phần Logistics Vinalink
T 05/2022 đến 22/03/2023	Trưởng phòng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink
T 23/03/2023 đến nay	Giám đốc Pháp chế kiêm Người phụ trách kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần Logistics Vinalink

- 12) Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Vinalink: Giám đốc Pháp chế kiêm Người phụ trách kiểm soát nội bộ công ty
- 13) Tên các công ty hiện đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác: Không.....
- 14) Số phần ứng nắm giữ tại Vinalink: cổ phần. Trong đó:
-) Cá nhân sở hữu: cổ phần.
-) Quỹ đầu tư sở hữu: cổ phần.

15) Lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có): Không.....

16) Quy định về mâu thuẫn lợi ích Công ty (nếu có): Không.....

2.3 Nhiệm vụ thay đổi trong Ban chỉ đạo

STT	Thành viên Ban chỉ đạo	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban chỉ đạo
1	Ông Nguyễn Nam Tiến Tổng giám đốc	06/02/1958	Chuyên viên Tài chính - Kế toán	Miễn nhiệm 22/09/2023.
2	Ông Võ Quốc Bảo Tổng giám đốc	31/12/1970	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Bổ nhiệm 22/09/2023.
3	Bà Nguyễn Anh Nam Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng công ty	13/05/1978	Chuyên viên Kế toán - Kiểm toán	Bổ nhiệm 23/03/2023.
4	Bà Nguyễn Anh Thơ Giám đốc Pháp chế kiêm Giám đốc phòng kế toán nội bộ công ty	27/03/1976	Chuyên viên Quản trị kinh doanh (Ngoại ngữ)	Bổ nhiệm 23/03/2023.

2.4 Số lượng cán bộ, nhân viên

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 310 người (trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng).
- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đãi ngộ nhân viên: Xem mục 6.6.

3. Tình hình xuất, tình hình thanh toán các dự án

3.1 Các khoản xuất

Không phát sinh.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết

STT	Tên công ty	Vn xuất (VN)	Tỉ /vn iul	L i nhu n cho Vinalink 2023 (VN)	L i nhu n cho Vinalink 2022 (VN)	T l t ng / gi m
1	Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	946.800.000	20,00%	787.773.911	2.706.621.859	-70,89%
2	Công ty TNHH Dịch vụ Logistics Việt Nam (FC Vietnam)	3.918.874.000	30,00%	(53.865.671)	(598.195.460)	91,00%
3	Công ty TNHH Việt Việt Nam (Konoike Vina)	4.908.430.302	9,15%	2.291.245.080	2.351.561.308	-2,56%
4	Công ty TNHH Dịch vụ Logistics Liên kết (LCM)	9.007.800.000	30,00%	29.829.493	13.286.295.400	-99,78%
5	CTCP Giao nhận Việt Việt Nam Trung (Vinatrans Danang)	8.784.000.000	27,89%	72.974.759	340.200.449	-78,55%
6	CTCP Logistics Kim Thành	19.120.589.000	30,00%	601.980.177	142.282.358	323,09%
7	CTCP Việt Nam Vinalink (Vinalink Transport)	4.000.000.000	40,00%	2.139.475.581	2.687.219.441	-20,38%

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2023 (đã kiểm toán)

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

Ch tiêu	N m 2023 (VN)	N m 2022 (VN)	%
T ng giá tr tài s n	390,499,684,823	360,834,413,609	108.22%
Doanh thu thu n	729,154,403,208	1,096,727,838,424	66.48%
L i nhu n t ho t ng kinh doanh	43,816,775,107	53,866,379,238	81.34%
L i nhu n khác	-95,486,721	121,952,672	
L i nhu n tr c thu	43,721,288,386	53,988,331,910	80.98%
L i nhu n sau thu	37,313,675,053	43,913,344,844	84.97%
T l l i nhu n tr c t c (c t c chi tr / l i nhu n sau thu)	14.09%	42.19%	33.41%

Ngu n: Báo cáo tài chính n m 2023 (ã ki m toán)

4.2 Các ch tiêu tài chính ch y u

Ch tiêu	N m 2023	N m 2022	Ghi chú
<i>1. Ch tiêu v kh n ng thanh toán</i>			
+ H s thanh toán ng n h n:	3.76	3.88	
Tài s n ng n h n/N ng n h n			L n
+ H s thanh toán nhanh:	3.76	3.88	
<u>Tài s n ng n h n - Hàng t n kho</u>			
N ng n h n			
<i>2. Ch tiêu v c c u v n</i>			
+ H s N /T ng tài s n	30.94%	31.31%	%
+ H s N /V n ch s h u	44.79%	45.57%	
<i>3. Ch tiêu v n ng l ch o t ng</i>			
Doanh thu thu n/T ng tài s n	1.87	3.04	L n
<i>4. Ch tiêu v kh n ng sinh l i</i>			
+ H s L i nhu n sau thu /Doanh thu thu n	5.12%	4.00%	
+ H s L i nhu n sau thu /V n ch s h u	13.84%	17.72%	%
+ H s L i nhu n sau thu /T ng tài s n	9.56%	12.17%	
+ H s L i nhu n t ho t ng kinh doanh/Doanh thu thu n	6.01%	4.91%	

Ngu n: Báo cáo tài chính n m 2023 (ã ki m toán)

5. Các cuộc ông, thay i v n ut c a ch s h u

5.1 C ph n

- Tổng số c ph n ang l u hành: 14.140.487 c ph n.
- Loại c ph n ang l u hành: C ph n ph thông.
- Số lượng c ph n chuyển nhượng do: 14.140.487 c ph n (t ngày 13/04/2023).
- Số lượng c ph n bán h n ch chuyển nhượng: 427.000 c ph n (phát hành c phi u theo ch ng trình l a ch n cho ng i lao ng, th i gian h n ch chuyển nhượng 01 n m t ngày 05/04/2022 n ngày 05/04/2023).

5.2 Các cuộc ông

S li u theo danh sách c ông s h u c ph n c a Công ty C ph n Logistics Vinalink ch t vào ngày 21/03/2024 do Tổng công ty L u ký và Bù tr ch ng khoán Vi t Nam cung c p.

5.2.1 Công c bi t

STT	Tên t ch c / cá nhân	S CMND /H chi u/ KKD	Ngày c p	a ch	S l ng c ph n	T l s h u (%)
A. Công nhà n c: Không có						
B. Công l n						
1	CÔNG TY C PH N GIAO NH N V N T I NGO I TH NG	0101352858	30/11/2018	S 02 Bích Câu, ph ng Qu c T Giám, Q. ng a, TP Hà N i.	758.310	5,36%
C. Công chi n l c: Không có						
D. Công sáng l p / công FDI (i v i tr ng h p TCNY là doanh nghi p FDI): Không có						
Tổng Công (A+B+C+D)					758.310	5,36%

5.2.2 Công trong nước, công nước ngoài, công tổ chức, công cá nhân

a) Công trong nước: Tổng số 1.261 công, số hộ 88,59% chiếm VNL.

- Công cá nhân trong nước: 1.247 công, số hộ 81,22% chiếm VNL.
- Công tổ chức trong nước: 14 công, số hộ 7,36% chiếm VNL.

STT	Danh mục	Chiếm	
		Số hộ (chiếm)	Tỉ lệ
1	Công số hộ trên 5% chiếm (1)	758.310	5,36%
2	Công số hộ từ 1% đến 5% chiếm (16)	3.794.615	26,84%
3	Công số hộ dưới 1% chiếm (1244)	7.973.909	56,39%
	Tổng cộng	12.526.834	88,59%

b) Công nước ngoài: Tổng số 52 công, số hộ 11,41% chiếm VNL.

- Công cá nhân nước ngoài: 41 công, số hộ 3,72% chiếm VNL.
- Công tổ chức nước ngoài: 11 công, số hộ 7,69% chiếm VNL.

STT	Danh mục	Chiếm	
		Số hộ (chiếm)	Tỉ lệ
1	Công số hộ trên 5% chiếm (0)	0	0%
2	Công số hộ từ 1% đến 5% chiếm (3)	1.079.565	7,63%
3	Công số hộ dưới 1% chiếm (49)	534.088	3,78%
	Tổng cộng	1.613.653	11,41%

5.2.3 Tỉ lệ số công nước ngoài: 49%.

5.3 Tình hình thay đổi về mặt cách sử dụng

Trong năm 2023 đã hoàn thành tất cả phát hành chứng khoán ưu đãi năm 2022 theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2023 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Vốn ưu đãi: 141.404.870.000 đồng.

5.4 Giao dịch chứng khoán

Không phát sinh.

5.5 Các chứng khoán khác

Không phát sinh.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Tác động lên môi trường

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính (GHG): chú trọng vào năng lượng sạch, vật liệu xanh, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng ...

Cụ thể, Công ty lưu ý tiết kiệm năng lượng (điện) trong công sở, nâng cao hiệu quả sử dụng nhiên liệu của các phương tiện vận tải.

6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty kinh doanh dịch vụ, không sản xuất nên không sử dụng nguyên vật liệu.

6.3 Tiêu thụ năng lượng

6.3.1 Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG (Kwh)	2023	2022	% +/-
Văn phòng	106.333	106.474	- 0.13%
Dịch vụ Kho - Bãi	13.313	0	-

6.3.2 Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

- Sử dụng đèn tiết kiệm điện trong khu vực làm việc. Luôn đóng kín các cửa ra vào, cửa sổ để tránh thoát nhiệt.
- Trước khi ra về, nhân viên phải tắt các thiết bị sử dụng điện: máy tính, đèn chiếu sáng, máy in, máy điều hòa nhiệt độ ...

- Về hình thức thi tập in ấn, văn phòng: lưu ý chọn mua các thiết bị văn phòng như máy tính, photocopy, máy in ... có hiệu suất năng lượng cao. Nhắc thay thế, bảo dưỡng và làm vệ sinh các thiết bị văn phòng.
- Lựa chọn vật liệu áp dụng công nghệ cách nhiệt mới khi thay thế trần và tường cách nhiệt trong văn phòng.
- Thường xuyên khuyến khích cán bộ nhân viên đưa ra những sáng kiến, đề xuất tiết kiệm năng lượng.

6.4 Tiêu thụ nước

Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm:

6.4.1 Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty Cổ phần Sài Gòn

TIÊU THỤ NƯỚC (m³)	2023	2022	% +/-
Văn phòng	1.041	1.098	-5.19%
Dịch vụ Kho - Bãi	1.547	0	-

6.4.2 Tiết kiệm nước và công nghệ nước tái chế và tái sử dụng

Không có.

6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Là doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, Công ty luôn quan tâm đến việc tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý môi trường địa phương. Công ty nghiêm túc ghi chép về bảo vệ môi trường ngày càng tốt hơn:

) Tiết kiệm giấy, hạn chế in ấn không cần, tận dụng giấy hai mặt cho các tài liệu in ấn.

) Phân loại rác thải trực tiếp khi chuyển ra ngoài và thu gom rác thải địa phương.

) Nâng cao tiết kiệm nước vào hệ thống thoát nước thành phố.

) Nhắc kiểm tra kỹ thuật máy móc thiết bị, máy lạnh, các thiết bị in ấn, thường xuyên vệ sinh văn phòng, kho bãi và phòng vệ sinh văn phòng.

) Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân kho.

) Trồng cây xanh trong khuôn viên.

) Tuyên truyền, phổ biến và nhắc nhở cán bộ nhân viên về ý thức tiết kiệm điện, nước, nhiên liệu, bảo vệ môi trường trong nội bộ doanh nghiệp.

- Trong năm 2023, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6.6 Chính sách liên quan đến người lao động

6.6.1 Số lượng lao động, mức lương trung bình và việc người lao động.

- Số lượng lao động: 310 người (trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh, chi nhánh Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng).
- Mức lương tối thiểu: 5.350.000 / tháng.
- Mức lương trung bình: 15.000.000 / tháng.

6.6.2 Chính sách lao động nhằm mục đích bảo vệ sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

a) Các chính sách lao động áp dụng cho người lao động của Công ty

- Thực hiện chế độ, chính sách việc người lao động theo đúng quy định của pháp luật (Hợp đồng lao động, chế độ BHXH-BHYT-BHTN).
- Xây dựng nội quy, quy chế bảo vệ nhân viên, bảo vệ bí mật kinh doanh. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền và công an địa phương trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự và phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trên địa bàn.
- Khuyến khích nhân viên thi đua lao động và người lao động thông qua Công đoàn kết hợp tinh thần bất tận, nguy hiểm, nhu cầu và ý kiến đóng góp của người lao động, qua đó điều chỉnh chính sách lao động phù hợp người lao động yên tâm làm việc và gắn bó với Công ty.
- Các chương trình TEAM BUILDING nghỉ mát thường niên vào mùa hè nhằm gắn kết, tạo sân chơi giao lưu giữa các thành viên trong gia đình Vinalink và khuyến khích 24 năm ngày thành lập công ty của Vinalink Hà Nội, Vinalink Đà Nẵng, Vinalink Hồ Chí Minh, Vinalink Hải Phòng.

b) Chính sách lao động nhằm mục đích bảo vệ sức khỏe của người lao động

- Hàng năm, tổ chức khám sức khỏe tổng quát và làm các xét nghiệm chuyên khoa bổ sung cho người lao động nam và nữ.

c) Chính sách lao động nhằm mục đích bảo đảm an toàn của người lao động

- Cung cấp trang phục, trang thiết bị và phòng ngừa tai nạn lao động theo tính chất công việc.
- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định, nội quy về công tác an toàn và sinh hoạt, phòng cháy chữa cháy. Thường xuyên cử nhân viên tham gia các buổi tập huấn các quy định về an toàn và sinh hoạt, phòng cháy chữa cháy. Khuyến khích kiểm tra, nhắc nhở cán bộ nhân viên thực hiện các biện pháp an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy tại các phòng ban.

- B o hi m tai n n 24/24 cho ng i lao ng.

d) Chính sách lao ng nh m m b o phúc l i c a ng i lao ng

- Ch m lo cho con cán b nhân viên vào các d p Ngày Qu c t Thi u nhi 1/6, T t Trung thu, ph n th ng cho h c sinh gi i vào cu i n m h c v i s t i n g n 100.000.000 .
- Công oàn và oàn thanh niên Công ty t ch c các ho t ng, cu c thi, h i thi, ch ng trình ... chào m ng các ngày l l n, ngày sinh nh t v i s t i n g n 150,000,000 .

) T ch c sinh nh t cho các cán b nhân viên có cùng tháng sinh hàng tháng.

) Ngày h i Áo dài 08/03/2023.

) Ngày 04/10/2023: T ch c cu c thi nh T t oàn Viên v i l ng èn Vinalink cho các bé thi u nhi.

) Ngày 20/10/2023: T ch c H i thi “Khéo tay hay làm” c m hoa, trang trí trái cây, bánh kem chào m ng Ngày Ph n Vi t Nam 20/10 t i tr s chính Thành ph H Chí Minh; Cu c thi Trang trí Gi hoa - qu v i ch "Quà T ng Yêu Th ng" nhân Ngày Ph n Vi t Nam 20/10 t i chi nhánh Hà N i.

- Tích c c t o i u ki n cho nhân viên tham gia các phong trào, h i thi do Công oàn Kh i, Hi p h i ... t ch c.

) Ngày 27-28/05/2023: Tham gia H i thao truy n th ng Kh i Công th ng t i Thành ph H Chí Minh.

) Ngày 13/11/2023: Tham gia Cornhole Tournament - CLV 2023, gi i u n m trong chu i ho t ng k ni m s ki n 30 n m thành l p & phát tri n Hi p h i Doanh nghi p d ch v Logistics Vi t Nam (VLA).

) Ngày 12/12/2023: Tham gia H i di n v n ngh công nhân viên ch c ng i lao ng do Công oàn Kh i Doanh nghi p Th ng m i Trung ng t i Thành ph H Chí Minh t ch c.

- Trong n m 2023, Công oàn và Công ty ã chi h tr , th m h i, t ng quà T t cho gia ình Công oàn viên có hoàn c nh khó kh n, s t i n 30.000.000 ng.

6.6.3 Ho t ng ào t o ng i lao ng

- Công ty khuy n khích nhân viên làm ch vi c h c t p làm vi c t th n, nâng cao n ng l c b n thân và có c h i phát tri n ngh nghi p.
- Nhân viên có th tìm th y nh ng c h i h c t p a d ng t i Vinalink nâng cao n ng l c b n thân và phát tri n ngh nghi p:

) H c nghi p v chuyên môn và các k n ng ngay trong công vi c.

-) Huấn luyện, chuẩn bị, tổ chức trên.
-) Tham gia vào những dự án.
-) Tham khảo ý kiến những chuyên gia.
-) Tham gia các nhóm làm việc.
-) Hợp tác nghiên cứu.
-) Đào tạo nội bộ:
 - o Ngày 17/05/2023: Chuyên viên nhân sự và các vị trí có liên quan.
 - o Ngày 24/05/2023: Các quy định về vận chuyển hàng DG của IATA.
 - o Ngày 23/08/2023: Chuyên viên hướng dẫn cách tra biểu thuế hàng hóa xuất nhập khẩu.
 - o Ngày 30/08/2023: Chuyên viên quy định và quy trình phi hành đoàn - nhân sự.
-) Các chức năng và phát triển khác: huấn luyện công việc; thẩm định lý do ngoài, khảo sát thị trường, thẩm định khách hàng; các khóa học theo chức năng, hình thức, hình thức; các chương trình đào tạo chính quy ...

6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm xã hội và môi trường

Từ khi thành lập đến nay, đội ngũ cán bộ nhân viên Công ty Vinalink luôn có tinh thần trách nhiệm và tích cực tham gia những hoạt động thiện nguyện xã hội và cộng đồng doanh nghiệp.

-) Trong năm 2023, Công ty vận động người lao động tham gia hiến máu nhân đạo đóng góp hơn 100 đơn vị máu tại Phòng 01, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
-) Công đoàn Công ty khuyến khích toàn thể nhân viên tham gia các hoạt động xã hội thiện nguyện như “Đóng góp quỹ ủng hộ người bảo vệ môi trường”, “Ngày hội Trồng Sa”, “Ngày hội trồng Mít Trung”, ủng hộ vùng miền nghèo”.
-) Nhân dịp Tết Nhâm Dần, Công đoàn Công ty khuyến khích và tổ chức thăm và tặng quà cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ nghiên cứu khó khăn về sức khỏe nhân viên ủng hộ các chương trình trong năm 2023 hơn 80.000.000 đồng.
-) Luôn duy trì các hoạt động văn hóa thể thao và Cách mạng: Khu di tích Lăng Lê Bàu Cờ, Củ Chi, Tây Ninh, Rừng Sác Củ Chi và di tích Trinh sát 20, Sư đoàn 5 Bộ binh, Quân khu 7 tại Châu Thành, Tây Ninh.

6.8 Báo cáo liên quan đến hoạt động môi trường và xã hội theo hướng dẫn của UBCKNN

Hội đồng Giám đốc Công ty chúng tôi có các hoạt động môi trường và xã hội. Tuy nhiên, Công ty rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ lên kế hoạch tham gia.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả kinh doanh năm 2023

Chỉ tiêu	VT: tỷ VNĐ		
	Năm 2023	Năm 2022	%
Tổng doanh thu	729,15	1.096,73	66,48%
Lãi trước thuế	43,72	53,99	80,98%
Lãi sau thuế	37,31	43,91	84,97%
Tỷ lệ lãi trước thuế / vốn đầu tư	30,92%	57,27%	53,99%
Tỷ lệ lãi sau thuế / vốn đầu tư	26,39%	46,58%	56,65%

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2023 (đã kiểm toán)

Tình hình và kết quả kinh doanh năm 2023 có một số điểm nổi bật như sau:

1.1 Về kết quả

Doanh thu giảm 39,52% so với năm trước và bằng 60,76% kế hoạch năm. Lợi nhuận năm 2023 giảm 19,02% so với năm trước và đạt 85,73% kế hoạch năm. Trong đó lợi nhuận từ kinh doanh trực tiếp giảm khá nhiều, giảm 42,8%.

1.2 Về tình hình kinh doanh

- Mặc dù đã có dự đoán năm 2023 là năm tiềm ẩn nhiều khó khăn nhưng thực tế tình hình có nhiều diễn biến bất ngờ như chiến tranh Nga-Ucraina và tình hình địa chính trị và chính sách du lịch và thương mại, lạm phát tăng cao ở các khu vực thị trường trọng yếu như châu Âu, Mỹ; khủng hoảng tại khu vực biển Đông... làm cho nhu cầu hàng hóa giảm, quan hệ cung cầu thị trường và tính cạnh tranh có nhiều bất ổn, tuy nhiên hàng hóa xuất khẩu châu Á sang EU và US vẫn khá ổn định; giá cả và tính cạnh tranh tiềm ẩn nhiều khó khăn; dịch vụ vận chuyển nội địa bị ảnh hưởng bởi tranh chấp liên lạc, làm giảm doanh thu một phần do chi phí vận chuyển tăng cao.
- Trong tình hình thực tế các bất ổn về y công ty đã kịp thời đưa ra các biện pháp điều chỉnh về cơ cấu quản lý và thực hiện nghiệp vụ thích ứng linh hoạt với tình hình diễn biến của thị trường. Tập trung giữ chân khách hàng truyền thống và đẩy mạnh khai thác các mảng dịch vụ, các khách hàng mới trong đó tập trung khai thác các hình thức mảng dịch vụ hàng xuất khẩu trong mua bán trên thị trường thông mại điện tử, thực hiện cơ cấu quản lý kinh doanh dịch vụ hợp lý chuyên nghiệp, tập trung nâng cao hiệu quả dịch vụ thông qua việc kiểm soát tập trung giá bán và chi phí, phân bổ

t t gi a các n v t i TPHCM và các a ph ng, áp ng t t các yêu c u c a khách hàng và i lý.

- Th c hi n ph ng h ng nhi m v k ho ch n m 2023 do i h i ng c ông th ng niên thông qua, trong n m công ty ã t p trung c ng c và phát tri n các d ch v ch y u truy n th ng là airfreight và seafreight, duy trì n nh các s n ph m hàng consol ng bi n trong tình hình c nh tranh gay g t, k t h p box xu t v i box nh p trong quan h v i i lý phù h p v i tình hình m i, trong ó:
 -)] Gi n nh các d ch v v i các khách hàng ch l c, chuy n ph ng th c ti p c n d ch v và làm vi c, b t u khai thác d ch v consol b ng ng hàng không và tìm c h i phát tri n m ng d ch v này.
 -)] T p trung, t ch c các team làm vi c phù h p cho các khách hàng VIP theo ph ng th c 24/7 áp ng yêu c u c a khách hàng. D ch v logistics cung c p các khách hàng trong khu công nghi p v i s n l ã góp ph n quan tr ng vào k t qu chung c a c n m.
- M t s h n ch :
 -)] V nhân s , t ch c và qu n lý: vi c tuy n d ng b sung m i có nhi u khó kh n, nh t là ngu n cho ch c danh sales và cán b qu n lý ch ch t, ch t l ng còn h n ch .
 -)] C s v t ch t thi u kho tàng v trí phù h p và ph ng ti n v n chuy n c gi i làm c s chào bán d ch v cho nh ng khách hàng l n, nh t là d ch v logistics – d ch v chu i cung ng.

2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài s n

VT: VN			
Ch tiêu	S c u i n m 2023	S u n m 2023	%
A. Tài s n ng n h n	294.763.771.975	273.647.046.036	107,72%
B. Tài s n dài h n	95.735.912.848	87.187.367.573	109,80%
T ng c ng	90.499.684.823	360.834.413.609	108,22%

2.2 Tình hình n ph i tr

VT: VN			
Ch tiêu	S c u i n m 2023	S u n m 2023	%
A. N ng n h n	78.445.105.870	70.605.391.209	111,10%
B. N dài h n	2.361.050.000	42.359.325.000	100,00%
T ng c ng	20.806.155.870	112.964.716.209	106,94%

2.3 Tình hình các khoản phí thu

VT: VN

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm 2023	Số dư cuối năm 2023	%
A. Các khoản phí thu ngắn hạn	95.721.027.210	71.654.509.339	114,02%
B. Các khoản phí thu dài hạn	2.110.230.880	1.919.730.880	109,92%
Tổng cộng	97.831.258.090	73.574.240.219	113,98%

Các khoản phí thu và phí trả trước là các khoản phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và trong thời hạn thanh toán trong sơ kê kiểm toán của Công ty.

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

3. Những điểm nổi bật về chính sách, quản lý

Công tác tổ chức và quản lý kinh doanh trong năm tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ cho phù hợp với thực tế; tăng cường chất lượng dịch vụ, quản lý công nhân chất lượng, tăng cường hoạt động tiếp xúc khách hàng và sản phẩm dịch vụ.

)- Thực hiện việc triển khai hai chương trình quản lý theo tiêu chuẩn ISO bao gồm:

+ Chương trình hệ thống quản lý an toàn thông tin ISO 27001:2022

+ Chương trình hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015

)- Thành lập thêm 1 Phòng Dịch vụ khách hàng liên, chuyên cung cấp dịch vụ logistics 24/7 cho các hãng hàng không.

)- Việc thực hiện các nhiệm vụ kế toán nghiệp vụ: đã thực hiện theo quy định.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Phân tích những nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2024:

4.1 Về kinh doanh và đầu tư

Tình hình kinh tế nói chung và hoạt động xuất nhập khẩu năm 2024 vẫn đang trong giai đoạn có nhiều biến động khó lường và có nhiều thách thức cho sự phục hồi sau khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Các chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy vẫn chưa trở lại bình thường như trước năm 2020, những xung đột quân sự Nga-Ucraina, xung đột tại khu vực biển Đỏ (Red Sea) tạo ra nhiều biến động khó lường trong hoạt động thương mại và chuỗi cung ứng toàn cầu; các nhà sản xuất lớn trong nước vẫn chưa có nhiều đơn hàng mới, hoạt động xuất nhập khẩu tác động lớn... Các rủi ro trong kinh doanh bao gồm rủi ro tài chính, rủi ro nhân sự, rủi ro trong lưu thông và vận chuyển hàng hóa nguy cơ tăng cao tác động nghiêm trọng đến dòng tiền hoạt động, vì vậy tổ chức cần hành động kinh doanh... là những ưu tiên cần chú ý trong hoạt động kinh doanh năm 2024.

Kết quả kinh doanh của phần lớn công ty liên doanh, liên kết trong năm 2023 giảm sâu do nền kinh tế suy thoái, công ty liên doanh, liên kết năm 2024 dự kiến giảm 10% năm 2023, do vậy sẽ ảnh hưởng đến các chỉ tiêu kế hoạch và kết quả kinh doanh năm 2024.

Trong bối cảnh chung như vậy, mục tiêu nhiệm vụ kinh doanh chủ yếu năm 2024 là:

- J) Tranh thủ khai thác các cơ hội trong điều kiện thị trường có nhiều thay đổi, linh hoạt thích ứng với tình hình mới, tăng thị phần trung thành hiện tại bằng pháp phù hợp duy trì kinh doanh; tiếp tục cung cấp dịch vụ phù hợp cho khách hàng, cố gắng giữ chân các dịch vụ, tiếp trung xây dựng chiến lược phát triển khách hàng mới, tăng tỷ trọng khách hàng lớn, khách hàng là các nhà xuất nhập khẩu ngoài, các nhà máy trong các khu công nghiệp, liên kết chặt chẽ với các đối tác nước ngoài khai thác mở rộng mạng lưới dịch vụ.
- J) Phần ưu tiên tiếp tục triển khai các mô hình kinh doanh, thực hiện các biện pháp linh hoạt tranh thủ, phát huy kết quả tốt từ các dịch vụ cung cấp cho các khách hàng lớn trong năm 2023, củng cố và nâng cao chất lượng dịch vụ, tiếp tục khai thác các nguồn lực hợp lý nâng cao kết quả kinh doanh, phần ưu tiên triển khai các chỉ tiêu chủ yếu đã đề ra. Tiếp trung xử lý các khoản nợ phù hợp với tình hình thị trường, đánh giá lại nguồn khách hàng lấy tiêu chí hiệu quả và an toàn làm cơ sở. Tiếp tục tiếp trung củng cố hoàn thiện và thay đổi cấu trúc cơ bản, hiệu quả quản lý kinh doanh thị trường, tiếp trung và hiệu quả trong toàn công ty.

Chỉ tiêu chủ yếu:

Z Tổng Doanh thu: 900 tỷ VNĐ.

Z Lợi nhuận thu : 26,500 tỷ VNĐ.

Z Chi phí: 1.000 VNĐ /c phần.

4.2 Mục tiêu biện pháp chung

- Tiếp tục triển khai các biện pháp củng cố và nâng cao hiệu quả dịch vụ: tiếp tục hoàn thiện cấu trúc quản lý, quy trình quản lý và nghiệp vụ; tiếp trung củng cố chiến lược bán máy thiết bị quản lý, bổ sung nhân sự quản lý lãnh đạo; ghi quyết tâm tình hình công nghiệp; tiếp trung hoàn thiện nâng cao hiệu quả quản lý thiết bị kinh doanh của các dịch vụ tại TPHCM, triển khai mở rộng các dịch vụ của Vinalink nước ngoài; rà soát lại trình độ, năng suất làm việc của đội ngũ nhân viên; đẩy mạnh hoạt động bán dịch vụ.
- Về mặt kinh doanh: tiếp trung củng cố vị thế phần của các dịch vụ kinh doanh và Hàng không quốc tế; chú trọng các dịch vụ logistics của các dự án nhà máy lớn, dịch vụ vận chuyển và cung ứng nhiên liệu; triển khai tiếp trung giảm các chi phí hành chính quản lý, thực hiện cắt giảm chi phí, tăng... giảm chi phí kết quả kinh doanh trong phạm vi toàn công ty với các hình thức phù hợp cho từng chức danh; triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ cùng với các hình thức khuyến mãi dịch vụ.

... gi và t ng l ng d ch v . Tỉ p t c t ng c ng th c hi n ào t o cho cán b qu n lý và nhân viên.

- Chú tr ng u t phát tri n d ch v logistics cho th ng m i i n t qu c t thông qua vi c h p tác v i các i tác l n n c ngoài t o ra chu i gi i pháp logistics hi u qu cho khách hàng. Xây d ng i ng chào bán d ch v logistics th ng m i i n t theo h ng chuyên nghi p.
- Nâng cao ch t l ng công tác pháp ch nghi p v v n t i qu c t và qu n tr ngu n nhân l c.
- Tỉ p t c c ng c , nâng cao hi u qu qu n lý và kinh doanh, t ng c ng và hoàn thi n c c ut ch c b máy và nhân s qu n lý c a công ty và các n v tr c thu c.
- Khai thác t t và hoàn thi n ph n m m nghi p v và qu n lý m i – ph n m m VMS nâng cao hi u qu qu n lý và ch t l ng d ch v .
- T ng c ng h n cho công tác marketing ph m vi công ty t o môi tr ng cho vi c bán d ch v các n v , v i các hình th c thích h p nh qu ng cáo, quan h khách hàng và i tác; tỉ p t c c ng c các m i quan h i tác v i các i lý các khu v c và tìm ki m các i tác m i.
- Khai thác ngu n l c t các c ông trong h p tác d ch v , phát tri n khách hàng, t ng c ng nhân s có kinh nghi m ... t o ra ngu n phát tri n d ch v m i.
- u t mua s m thay th 3 xe v n t i, 10 r -mooc, 1 xe 4-7 ch thay th cho s thanh lý và b sung ph ng tỉ n v n t i, giá tr u t d ki n 15 t ng.
- ngh : Giao cho H i ng qu n tr quy t nh vi c thoái v n t i các công ty ã u t trên c s m b o tính hi u qu trong vi c s d ng v n theo nguyên t c chào bán công khai và c nh tranh phù h p v i nhu c u s d ng v n.
- H p tác ch t ch cùng các i tác c ng c và nâng cao hi u qu ho t ng c a các công ty liên doanh, liên k t.
- T ch c các ho t ng k ni m 25 n m ngày thành l p công ty m t cách thi t th c, hi u qu , t o ng l c m i cho s phát tri n c a công ty.

5. Gi i trình c a Ban giám c i v i ý ki n ki m toán

Không có.

6. Báo cáo ánh giá liên quan n trách nhi m v môi tr ng và xã h i c a công ty

6.1 ánh giá liên quan n các ch tiêu môi tr ng (tiêu th n c, n ng l ng, phát th i ...)

Là doanh nghi p kinh doanh d ch v , Công ty luôn quan tâm n vi c tuân th các quy nh pháp lu t v b o v môi tr ng và th c hi n theo h ng d n c a các c quan

quản lý môi trường và phòng ngừa. Các giải pháp đã triển khai cho toàn thể cán bộ nhân viên thể hiện giúp xây dựng nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ nhân viên, tiết kiệm chi phí in ấn, đảm bảo an toàn lao động, tạo ra môi trường làm việc xanh, sạch, an toàn, đóng góp tích cực vào hoạt động bảo vệ môi trường chung.

6.2. Ảnh hưởng liên quan đến văn hóa lao động

Văn hóa quản trị nhân lực của Công ty có một số điểm sau:

- Chất lượng nhân lực: Trong những năm gần đây, các trường đại học, Cao đẳng, trung tâm dạy nghề trình độ cao, kỹ thuật và các chuyên ngành xuất nhập khẩu, kinh doanh quốc tế, logistics và vận tải hàng hóa, do vậy có thể đáp ứng nhu cầu về nhân lực có kỹ năng chuyên ngành cho các doanh nghiệp. Về phía công ty, nhân lực trẻ ngày càng có trình độ tiếng Anh tốt, có thể xử lý các yêu cầu trong giao dịch với các tác nhân ngoài.

- Thách thức trong quản trị nhân sự:

Thứ nhất, sự cạnh tranh giữa các công ty trong nước và nước ngoài trong lĩnh vực này ngày càng gay gắt. Việt Nam ngày càng thu hút nhân lực có trình độ và kinh nghiệm từ các công ty Việt Nam bằng cách nâng mức lương lên cao hơn nữa. Điều này khiến các nhân viên hiện tại khá ngại, thiếu tin tưởng, có mong muốn cao và có thể sẽ phát triển trong những ngành nghề khác, lĩnh vực và phúc lợi, môi trường làm việc thân thiện và thoải mái. Hệ thống tuyển dụng nhân lực hiện tại vẫn còn thiếu tính chuyên nghiệp, thiếu sàng lọc kỹ lưỡng khi có các ứng viên.

Thứ hai, môi trường làm việc thu hút, tăng cường tính gắn kết cho nhân viên công ty, Ban giám đốc luôn theo dõi tình hình nhân sự, chính sách lương và phúc lợi linh hoạt cho nhân viên, khen thưởng kịp thời, tạo niềm tin cho nhân viên có thể cống hiến, phát triển, cân bằng giữa công việc – gia đình, tăng cường tinh thần đoàn kết và sự gắn kết của nhân viên thông qua các hoạt động tập thể, các buổi dã ngoại, tham gia các hoạt động giao lưu văn nghệ - thể thao do Công ty hoặc Công đoàn khởi xướng tại DNTMTW tại TPHCM tổ chức.

6.3. Ảnh hưởng liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng và xã hội

Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và tham gia các chương trình thiện nguyện xã hội là truyền thống của Vinalink từ khi thành lập đến nay. Ban giám đốc, Công đoàn Công ty và đội ngũ cán bộ nhân viên Vinalink luôn có tinh thần trách nhiệm và tích cực tham gia.

Vì những thành tích và nỗ lực vì cộng đồng, Công đoàn Công ty Công ty Công nghiệp Logistics Vinalink được Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh tặng Cờ và danh hiệu “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2023”.

IV. ánh giá c a H i ng qu n tr v ho t ng c a Công ty

1. ánh giá c a H i ng qu n tr v các m t ho t ng c a Công ty

- H i ng qu n tr ã th c hi n t t công tác qu n tr doanh nghi p. Trong n m 2023, ngoài các phiên h p chính th c, H i ng qu n tr ã ti n hành l y ý ki n b ng v n b n thông qua nhi u quy t nh và n i dung qu n tr . H i ng qu n tr ã tri n khai các nhi m v c giao và t c nh ng k t qu c th trong ho t ng.

2. ánh giá c a H i ng qu n tr v ho t ng c a Ban giám c Công ty

- H i ng qu n tr ánh giá cao n l c c a Ban giám c Công ty ã i u hành ho t ng kinh doanh n m 2023 trong i u ki n tình hình kinh t xã h i trong n c và th gi i có nhi u khó kh n, thách th c, bi n ng ph c t p do nh h ng c a suy thoái kinh t th gi i, chi n tranh Nga - Ukraine, các th tr ng l n gi m s c mua và các y u t a chính tr , kinh t phát sinh trên th gi i, phát sinh nhi u y u t m i nh h ng n vi c t ch c th c hi n kinh doanh và ph ng th c làm vi c, n hi u qu kinh doanh nh ng Công ty ã c g ng th c hi n các ch tiêu kinh doanh c i h i ng c ng th ng niên giao.
- T ch c th c hi n nghiêm túc Ngh quy t i h i ng c ng th ng niên n m 2023 và th c hi n các Ngh quy t, quy t nh c a H i ng qu n tr .
- Công tác t ch c và i u hành ho t ng h ng ngày c a Công ty: T ng giám c t ch c và i u hành ho t ng h ng ngày c a Công ty theo úng các quy nh c cho phép trong Gi y phép ng ký kinh doanh, tuân th úng lu t pháp Nhà n c và các quy nh liên quan n công ty c ph n, các ngh quy t c a i h i ng c ng và H i ng qu n tr .
- ã th c hi n t t công tác qu n tr và ch báo cáo thông tin theo quy nh i v i công ty niêm y t, ti p t c là m t trong s các công ty áp ng t t các quy nh v công b thông tin trong n m 2023.

3. K t qu th c hi n ngh quy t c a i h i ng c ng th ng niên 2023

- V k t qu kinh doanh, n m 2023, vi c th c hi n các ch tiêu theo Ngh quy t i h i ng c ng th ng niên t th p, trong ó Doanh thu t 60,75% k ho ch, lãi tr c thu t 85,68% k ho ch và u gi m so v i n m 2023. Nguyên nhân k t qu t th p do m t s y u t nh tình hình th tr ng không thu n l i, nhi u ch tiêu ch y u gi m sâu; m t s khách hàng ch l c s n l ng gi m áng k ; c c v n t i qu c t ng bi n và hàng không gi m t 4-8 l n so v i n m tr c nh h ng tr c ti p n doanh thu và k t qu ; m t s kho n chi phí tuân th phát sinh l n nh v phòng cháy ch a cháy, an toàn thông tin, h th ng m ng ... áp ng các quy nh c a pháp lu t và các ch ng ch qu c t , t giá ngo i t bi n ng theo chi u h ng t ng làm phát sinh chi phí, làm gi m lãi g p c a d ch v ... Tuy v y do ki m soát t t d ch v , linh ho t và ch ng trong th c hi n ... t l lãi g p trên doanh thu c a n m đi n bi n tích c c t ng 6%.
- V t ch c qu n tr, Công ty ã hoàn thi n t ch c b máy nhân s , quy trình nghi p v , h th ng ph n m m nghi p v , góp ph n phát huy hi u qu t t trong vi c t

chức quản lý và kinh doanh; tất cả Công nhân hình thành quản lý an toàn thông tin ISO/IEC 27001:2002, Công nhân hình thành quản lý chất lượng ISO 9001:2015, qua đó, thể hiện sự tuân thủ và áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế của Công ty về bảo mật thông tin, quản lý hiuqu tài sản thông tin của Công ty, cam kết bảo mật chếch nhân viên các tác nhân và mở ra nhiều cơ hội kinh doanh toàn cầu trong tương lai; công tác truyền thông công ty mạnh mẽ, hỗ trợ tích cực cho việc quản lý bán sản phẩm dịch vụ, nhân viên thể hiện hiuqu trên nhiều nền tảng, tạo dựng hình ảnh trên thị trường, nhất là trong quan hệ với các tác nhân.

- Về đầu tư, việc đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết LCM, Vinalink Transport mở rộng vốn góp hiện hữu; việc đầu tư 50% vốn vào công ty lên 141.404.870 VNĐ giúp hỗ trợ kinh doanh của Công ty có thể thu lợi nhuận khi trở thành công ty độc lập có quy mô lớn. Công ty đã thực hiện việc phát hành cổ phiếu ưu đãi năm 2022 theo Nghị quyết của Hội đồng cổ đông tháng 12 năm 2023 và Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Đã chi trả cổ tức năm 2023 12% / mệnh giá cổ phiếu theo Nghị quyết Hội đồng cổ đông tháng 12 năm 2023.
- Việc thoái vốn từ các công ty liên kết mở rộng tính hiuqu trong việc sử dụng vốn đã được trả và triển khai song song các thực hiện các do thị trường của thu lợi nhuận.

4. Các kế hoạch, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

- Nhiệm vụ kinh doanh: khai thác tất cả nguồn lực về nhân sự, tài lý, tập trung đầu tư và nâng cao chất lượng các dịch vụ cơ bản. Tập trung khai thác tất cả cơ hội kinh doanh mới cách linh hoạt và hiuqu.
- Tập trung nghiên cứu và hoàn thiện các cấu trúc cơ bản máy và quy trình quản lý - nghiệp vụ mở rộng yêu cầu thị trường, tập trung và an toàn - hiuqu trong toàn Công ty. Bổ sung và hoàn thiện nhân sự lãnh đạo, quản lý chất lượng Công ty và các chi nhánh.
- rà soát và đánh giá hoạt động của các công ty liên doanh liên kết, phù hợp với các tác nhân nâng cao hiuqu quản trị và đầu tư, xem xét thoái vốn hoặc đầu tư nhân sự dự án cần thiết khi có nhu cầu đầu tư hiuqu sử dụng vốn cho Công ty.
- Nghiên cứu Hội đồng cổ đông tháng 12 năm 2023 quy định cho Hội đồng quản trị chếch xem xét quyết định theo các phương thức phù hợp mở rộng có lợi nhuận cho Công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và chức vụ của Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 - 2024: 5 người.

Trong đó:

) Thành viên độc lập: 02 người.

) Thành viên nội hành: 01 người.

) Thành viên chuyên trách: 01 người.

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Thành viên Hội đồng quản trị các công ty khác
1	Ông Nguyễn Nam Tín	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1,08%	<p>Phó chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Dịch vụ Logistics Việt Nam (FC Vietnam).</p> <p>Phó chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nội hành Việt Nam Hàng hóa Liên kết (LCM).</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Logistics Kim Thành.</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Việt Nam vận chuyển Vinalink (Vinalink Transport).</p> <p>Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Vận tải Ô tô Vina Vinatrans (V Truck).</p>
2	Ông Võ Thành	Thành viên Hội đồng quản trị	3.43%	Phó chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH RCL (Việt Nam).
3.	Ông Võ Quốc Bảo	Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc	0.76%	<p>Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Dịch vụ Logistics Việt Nam (FC VIETNAM).</p> <p>Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nội hành Việt Nam Hàng hóa Liên kết (LCM).</p>

				<p>Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Danang).</p> <p>Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật (Konoike Vina).</p>
4	Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên Hội đồng quản trị cũ	0.23%	Giám đốc CTCP Vận chuyển Vinalink (Vinalink Transport).
5	Ông Phú Kim	Thành viên Hội đồng quản trị cũ	0%	
6	Ông Lê Văn Hùng <u>Ghi chú:</u> Mỉn nhím 26/04/2023.	Thành viên Hội đồng quản trị cũ	0%	<p>Giám đốc tài chính CTCP Transimex.</p> <p>Trưởng Ban kiểm soát CTCP Vinafreight.</p> <p>Thành viên Ban kiểm soát CTCP XNK và Thuế (Cholimex).</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Dịch vụ Bến Thành.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Thủy sản.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Thương mại Phú Nhuận.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Garmex Sài Gòn.</p> <p>Thành viên Ban kiểm soát CTCP Công Mipex.</p>

1.2 Các tiêu chuẩn thu nhập Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị không thành lập các tiêu chuẩn chuyên môn thu nhập Hội đồng quản trị.

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

1.3.1 Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp. Trong năm 2023, ngoài các phiên họp chính thức, Hội đồng quản trị đã tiến hành lý luận và nghiên cứu thông qua nhiều quy trình và nội dung quản trị. Hội đồng quản trị đã triển khai các nhiệm vụ giao và thực hiện các kết quả trong hoạt động.

1.3.2 Các cuộc họp Hội đồng quản trị trong năm 2023

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Số buổi họp Hội đồng quản trị tham dự	Tỷ lệ tham dự (%)	Lý do không tham dự (%)
1	Ông Võ Thành	10	91,91%	Lý do cá nhân.
2	Ông Nguyễn Nam Tiến	11	100%	
3	Ông Võ Quốc Bảo	11	100%	
4	Ông Nguyễn Quốc Huy	11	100%	
5	Ông Phú Kim	8	100%	Ích nghỉ công thường niên bù 26/04/2023.
6	Ông Lê Văn Hùng	0	0%	Tạm nghỉ tháng 08/2022.

1.3.3 Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (năm 2023)

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	146/2023/NQ/VNL-HQT	28/02/2023	1) Thời gian thực hiện công thường niên năm 2023: ngày 26/04/2023. 2) Kế hoạch chi trả 2/2022: - Tỷ lệ trích: 8%. - Ngày thanh toán: 21/04/2023. 3) Ngày ký ký quyết cùng chốt danh sách công thực hiện HCTN năm 2023 và chi trả 2/2022: 23/03/2023.
2	191/2023/NQ/VNL-HQT	23/03/2023	Bổ sung chức danh cán bộ quản lý do HQT bổ nhiệm và bổ nhiệm nhân sự (Bà Nguyễn Anh Nam và Bà Nguyễn Anh Thơ).
3	305/2023/Q/VNL-HQT	27/04/2023	Giao Kế hoạch kinh doanh năm 2023 cho Công ty.

4	313/2023/NQ/VNL-H QT	08/05/2023	Tri n khai ph ng án phát hành c phi u tr c t c n m 2022 ã c i h i ng c ông th ng niên n m 2023 thông qua.
5	447/2023/NQ/VNL-H QT	26/06/2023	Th ng nh t ch n n v ki m toán Báo cáo tài chánh cho n m 2023: Công ty TNHH KI M TOÁN & T V N RSM VI T NAM y quy n cho T ng giám c ký H p ng đ ch v và th c hi n các công vi c có liên quan m b o Báo cáo tài chánh c l p phù h p v i các quy nh pháp lý có liên quan hi n hành.
6	461/2023/NQ/VNL-H QT	03/07/2023	Ch t ngày ng ký cu i cùng th c hi n quy n chi tr c t c b ng c phi u n m 2022.
7	607/2023/NQ/VNL-H QT	09/08/2023	Thông qua vi c s a i i u l , i u ch nh Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p, ng ký ch ng khoán b sung v i VSD và niêm y t ch ng khoán b sung v i HOSE.
8	733 /2023/NQ/VNL-H QT 734 /2023/Q /VNL-H QT	12/09/2023	Thông qua vi c thay i nhân s (Ng i ph trách qu n tr - Th ký công ty - Ng i c y quy n công b thông tin).
9	771/2023/NQ/VNL-H QT 772 /2023/Q /VNL-H QT 773 /2023/Q /VNL-H QT	22/09/2023	Thông qua vi c thay i nhân s (Ch t ch H i ng qu n tr , T ng giám c, Ng i ph trách qu n tr công ty).
10	774/2023/NQ/VNL-H QT	22/09/2023	Quy t ngh t m ng c t c t l n m 2023.
11	775/2023/NQ/VNL-H QT	22/09/2023	Ban hành Quy ch công b thông tin c a Công ty.
12	885/2023/NQ/VNL-H QT	01/11/2023	Thông qua ph ng án thoái v n t i công ty liên k t VMT.

Ngu n: Báo cáo tình hình Qu n tr Công ty n m 2023

1.3.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị công ty. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

- Các thành viên Hội đồng quản trị công ty:
 -) Ông Nguyễn Quốc Huy.
 -) Chỉ định công đồng thành niên ngày 26/04/2023 miễn nhiệm ông Lê Văn Hùng chức vụ thành viên Hội đồng quản trị công ty.
 -) Chỉ định công đồng thành niên ngày 26/04/2023 bổ sung ông Phú Kim chức vụ thành viên Hội đồng quản trị công ty.
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và thực hiện ý nghĩa của mình, góp phần giúp Hội đồng quản trị giám sát, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển. Về kinh tế và kinh nghiệm của mình, các thành viên Hội đồng quản trị công ty đã đưa ra những kiến thức, có chuyên môn và tinh thần công ty. Trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị công ty đã có phần bình luận các xu hướng kinh doanh, kế hoạch kinh doanh; theo dõi hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc theo dõi các công ty.
- Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban chuyên môn của Hội đồng quản trị.

1.3.5 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chức năng điều tra công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình và quản trị công ty trong năm

Các thành viên Hội đồng quản trị công ty tham gia các khóa điều tra công ty theo quy định của công ty và các điều kiện UBCKNN công nghiệp.

2. Ban Kiểm soát

2.1 Thành viên và chức vụ của Ban kiểm soát

Số lượng thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019 - 2024: 3 người.

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Bà Phan Phương Tuy nhiên	Trưởng Ban kiểm soát	0.05%
2	Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên Ban kiểm soát	0.02%
3	Bà Trang Anh Xuân	Thành viên Ban kiểm soát	0.90%

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát

- Trong năm, Ban kiểm soát đã thực hiện 02 cuộc họp theo nghị quyết và Trưởng Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định theo Điều lệ Công ty.
- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Hội đồng, các quy chế mà Công ty đã ban hành trong việc quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.
- Kiểm tra công tác tài chính, kế toán và việc tuân thủ các quy định liên quan của pháp luật.
- Soát xét, thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng và Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán.

2.3 Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty

2.3.1 Về kết quả kinh doanh

VT: tỷ VNĐ

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Khoạch 2023	Thực hiện 2023 / Khoạch 2023	Thực hiện 2022	Thực hiện 2023 / Thực hiện 2022
Doanh thu	729,00	1.200,00	61%	1.096,00	67%
Lãi trước thuế	43,70	51,00	86%	53,90	81%
Lãi sau thuế	37,30			43,90	85%

- Trong năm 2023, giá cước tàu giẫm mạnh nên đã làm cho doanh thu và lợi nhuận giẫm mạnh.
- Do tình hình xuất nhập khẩu của khách hàng giẫm mạnh nên sản lượng dịch vụ của chúng ta cũng giẫm mạnh theo.

2.3.2 Về mặt quản lý, điều hành trong tài chính, kinh doanh

- Hoàn tất việc tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết của HĐQT, từ 94.270.000.000 lên thành 141.404.870.000 VNĐ.
- Thực hiện tăng vốn góp từ lợi nhuận chia tại Công ty Vingroup và Vinalink từ 2 tỷ -> 4 tỷ và tại Công ty LCM từ 1,9 tỷ -> 9 tỷ VNĐ.
- Công ty đã chia cổ tức theo đúng Nghị quyết của HĐQT.

- Trong năm Công ty đã bổ nhiệm 2 chức danh Giám đốc Tài chính và Giám đốc Pháp chế nâng tầm quản lý tài chính và hiệu quả kinh doanh.
- Công ty đã hoàn thiện các chức năng của phần mềm VMS và phần mềm nghiệp vụ phục vụ cho công tác quản lý, kiểm tra, soát xét số liệu kinh doanh giúp Ban Giám đốc đưa ra những quyết định kịp thời, phù hợp.
- Phục vụ cho phần công việc thường ngày liên quan tới các tác nhân kinh doanh Amazon, Công ty đã xây dựng và triển khai các kênh quảng cáo truyền thông qua mạng xã hội như Facebook, Workshop. Công ty đã hoàn thành và vào sử dụng phần mềm tích hợp mã QR để liên lạc theo yêu cầu của Amazon.
- Về hoạt động Kiểm toán nội bộ: đã thực hiện 1 cuộc Kiểm toán nội bộ về chuyên môn tại các Phòng Giao nhận và Phòng Contract Logistics.

2.3.3 V tuân thủ các quy định và pháp luật

- Công ty đã thực hiện nghiêm túc, tuân thủ đúng các quy định về báo cáo, hạch toán kế toán, tài chính, các nội dung và yêu cầu của việc công bố thông tin theo pháp luật hiện hành.

2.3.4 Tham gia Báo cáo Tài chính năm 2023 đã kiểm toán

- BCTC được lập theo đúng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán Doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. BCTC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam.

2.3.5 Báo cáo kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

- HĐQT và Ban Giám đốc đã triển khai đúng các nội dung hoạt động theo tinh thần Nghị quyết HĐQT năm 2023. Ban điều hành đã thực hiện việc kinh doanh theo đúng các quy định được phép trong Giấy phép kinh doanh, tuân thủ theo đúng pháp luật Nhà nước và các quy định dành cho công ty cổ phần.
- Trong năm HĐQT đã thực hiện 11 cuộc họp và ban hành 12 Nghị quyết hoạch định, thực hiện, giám sát và hỗ trợ Ban Giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh.
- Trong các cuộc họp HĐQT, các thành viên đã cùng Ban Giám đốc phân tích, đánh giá tình hình kinh doanh và đưa ra những chỉ số, kết quả phù hợp với tình hình kinh doanh phát triển bền vững và khó khăn trong năm.

2.3.6 Báo cáo kiểm tra đánh giá sự phù hợp hoạt động của Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

- HĐQT & Ban Giám đốc Công ty đã hỗ trợ BKS thực hiện công việc theo chức năng và nhiệm vụ của BKS. Các phòng ban đã cung cấp đầy đủ số liệu, tài liệu và thông tin liên quan liên quan đến hoạt động của Công ty.

- Tr ̣ng BKS ̣c tham d ̣y ̣ các cu ̣c h ̣p c ̣ a H ̣ QT và ̣c cung c ̣p các tài li ̣u h ̣p cùng th ̣i gian v ̣i các thành viên H ̣ QT.

3. Các giao d ̣ch, thù lao và các kho ̣n l ̣i ích c ̣ a H ̣ i ̣ng qu ̣n tr ̣, Ban giám ̣c và Ban ki ̣m soát

3.1 L ̣ng, th ̣ng, thù lao, các kho ̣n l ̣i ích

3.1.1 Thù lao c ̣ a H ̣ i ̣ng qu ̣n tr ̣ và Ban ki ̣m soát

M ̣c thù lao và qu ̣ H ̣ i ̣ng qu ̣n tr ̣ và Ban ki ̣m soát n ̣m 2023 là 2% l ̣i nhu ̣n sau thu ̣. Trong ̣ ó m ̣c thù lao c ̣ th ̣ nh ̣ sau:

- Ch ̣ t ch H ̣ QT: 5 tri ̣ u ̣ ng / tháng
- Thành viên H ̣ QT: 3 tri ̣ u ̣ ng / tháng
- Tr ̣ng Ban ki ̣m soát: 3 tri ̣ u ̣ ng / tháng
- Thành viên Ban Ki ̣m soát: 1 tri ̣ u ̣ ng / tháng

3.1.2 Thù lao và thu nh ̣p c ̣ a H ̣ i ̣ng qu ̣n tr ̣ và Ban giám ̣c Công ty

- Thù lao thành viên H ̣ i ̣ng qu ̣n tr ̣ và Ban ki ̣m soát n ̣m trong h ̣n m ̣c ̣ã ̣c i ̣ h ̣ i ̣ng c ̣ ông n ̣m 2023 phê duy ̣t.
- Thù lao c ̣ a H ̣ i ̣ng qu ̣n tr ̣ và Ban ki ̣m soát ̣c nh ̣n trong n ̣m 2023 nh ̣ sau:

Thù lao c ̣ a H ̣ i ̣ng qu ̣n tr ̣ :

VT: VN

Tên	Ch ̣c v	Thù lao (tr ̣c thu ̣)
Ông Nguy ̣n Nam Ti ̣n	Ch ̣ t ch H ̣ QT	148.500.000
Ông V ̣ Th ̣c	Thành viên H ̣ QT	183.000.000
Ông V ̣ Qu ̣c B ̣o	Thành viên H ̣ QT	157.500.000
Ông Nguy ̣n Qu ̣c Huy	Thành viên H ̣ QT	94.500.000
Ông Lê V ̣n Hùng	Thành viên H ̣ QT	9.000.000
Ông Phú Kim	Thành viên H ̣ QT	27.000.000
T ̣ng c ̣ng:		619.500.000

Thù lao của Ban kiểm soát:

VT: VN

Tên	Chức vụ	Thù lao (tr. VND)
Bà Phan Phương Tuyến	Trưởng Ban Kiểm soát	94.500.000
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên Ban Kiểm soát	31.500.000
Bà Trang Anh Xuân	Thành viên Ban Kiểm soát	31.500.000
Tổng cộng:		157.500.000

- Chi tiết các khoản thu nhập khác theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023.

3.2 Giao dịch phi thường liên quan

Giao dịch phi thường liên quan và người có liên quan liên quan đến Công ty: Không phát sinh.

Nguồn: Báo cáo tình hình Quản trị Công ty năm 2023

3.3 Hợp đồng giao dịch với người liên quan

Trong năm 2023, Công ty đã có các giao dịch giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với công nhân, người liên quan, người có liên quan của người liên quan như sau:

ST T	Tên t ch c/cá nhân	M i quan h liên quan v i công ty	S Gi y NSH*, ngày c p, n i c p NSH	a ch tr s chính/ a ch liên h	Th i i m giao d ch v i công ty	S Ngh qu y t/ Quy t nh c a H C / H QT... thông qua (n u có, nêu rõ ngày ban hành)	N i dung, s l ng, t ng giá tr giao d ch (ng)	G h i c h ú
1	Công ty TNHH RCL (Vi t Nam)	Công ty liên doanh	0303701766 28/11/2022 S KH & T TPHCM	436-438 Nguy n Th Minh Khai, Ph ng 5, Qu n 3, TPHCM	N m 2023	66/2021/N Q/VNL- H QT 12/01/2021	S d ng d ch v : 1.266.660.772 C t c, l i nhu n c chia: 2.900.000.000	
2	Công ty TNHH D ch v i lý V n chuy n (FC Vietnam)	Công ty liên doanh	550/ GP- HCM 15/10/2003 UBND TPHCM	46-48 H u Giang , Ph ng 4, Qu n Tân Bình, TPHCM	N m 2023	66/2021/N Q/VNL- H QT 12/01/2021	Cung c p d ch v : 79.180.500 S d ng d ch v : 870.192.993	
3	Công ty TNHH V n t i Vi t Nh t (Konoike Vina)	Công ty liên doanh	4110220003 05 18/08/2008 UBND TPHCM	18A L u Tr ng L , Ph ng Tân Thu n ông, Qu n 7, TPHCM	N m 2023	66/2021/N Q/VNL- H QT 12/01/2021	Cung c p d ch v : 1.230.283.502 S d ng d ch v : 276.117.003 C t c, l i nhu n c chia: 1.522.549.521	

4	Công ty TNHH i u hành V n chuy n Hàng hóa Liên k t (LCM)	Công ty liên doanh	4110220001 33 24/10/2007 UBND TPHCM	30 Phan Thúc Duy n, Ph ng 4, Qu n Tân Bình, TPHCM	N m 2023		C t c, l i nhu n c chia: 14.580.000.000
5	CTCP Giao nh n V n t i M i n Trung (Vinatrans Danang)	Công ty liên k t	0400426836 02/06/2020 S KH & T TP à N ng	184 Tr n Phú, Ph ng Ph c Ninh, Qu n H i Châu, TP à N ng	N m 2023	66/2021/N Q/VNL- H QT 12/01/2021	Cung c p d ch v : 64.863.025 S d ng d ch v : 24.120.228
6	CTCP V n chuy n Vinalink (Vinalink Transport)	Công ty liên k t	0313412467 17/04/2020 S KH & T TPHCM	L u 3, Indochina Park Tower, 4 Nguy n ình Chi u, Ph ng a Kao, Qu n 1, TPHCM	N m 2023	66/2021/N Q/VNL- H QT 12/01/2021	Cung c p d ch v : 11.971.956 S d ng d ch v : 224.299.861 C t c, l i nhu n c chia: 2.400.000.000
7	CTCP Vinafreight	Liên quan ng i n i b	0302511219 14/01/2002 S KH & T TPHCM	Block C, l u 1, tòa nhà Waseco, s 10 Ph Quang, Ph ng 2, Qu n Tân Bình, TPHCM	N m 2023	66/2021/N Q/VNL- H QT 12/01/2021	Cung c p d ch v : 254.010.368 S d ng d ch v : 192.602.825
8	CTCP Transimex	Liên quan ng i n i b	0301874259 03/12/1999 S KH & T TPHCM	172 Hai Bà Tr ng, Ph ng a Kao, Qu n 1, TPHCM	N m 2023	66/2021/N Q/VNL- H QT 12/01/2021	Cung c p d ch v : 319.160.210 S d ng d ch v : 125.973.389

9	Công ty TNHH Vnti Ô tô Vina Vinatrans (V Truck)	Liên quan ng i n i b	303590943 02/12/2014 S KH & T TPHCM				S d ng d ch v : 75.905.000
10	CTCP Giao nh n Vnti Ngo i th ng (VNT Logistics)	C ông l n	0103002086 07/04/2003 S KH & T Hà N i	2 Bích Cầu, Ph ng Qu c T Giám, Qu n ng a, TP Hà N i	N m 2023		Cung c p d ch v : 161.971.245 S d ng d ch v : 1.700.492.133

Nguồn: Báo cáo tài chính kế toán năm 2023, Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2023

3.4. Ảnh hưởng của các quy định quản trị công ty

Công ty thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

Đơn vị kế toán chính: Công ty TNHH Kế toán và Thuế RSM Việt Nam.

1. Ý kiến kế toán

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tài sản của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan liên quan và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán lập ngày 21 tháng 03 năm 2024 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

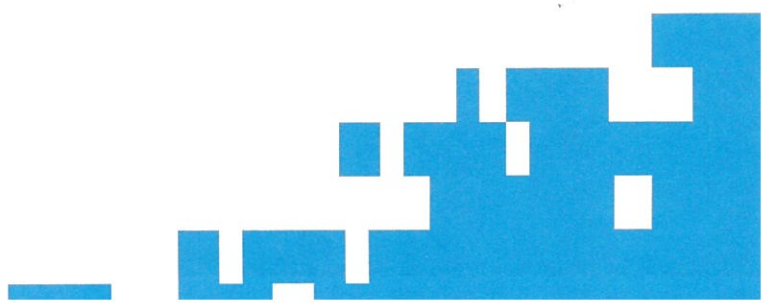
**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Vũ Quốc Bảo

**CÔNG TY CỔ PHẦN
LOGISTICS VINALINK**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 40

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 22/09/2023)
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên (miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch ngày 22/09/2023)
Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên
Ông Đỗ Phú Kim	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26/04/2023)
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26/04/2023)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phan Phương Tuyền	Trưởng ban
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên
Bà Trang Anh Xuân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Quốc Bảo	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22/09/2023)
Ông Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 22/09/2023)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính đính kèm phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2024

Số: 212/2024/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 03 năm 2024 từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2024



Nguyễn Thị Bích Thảo
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
4341-2024-026-1

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		294.763.771.975	273.647.046.036
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	67.187.750.644	85.975.264.733
1. Tiền	111		33.187.750.644	52.975.264.733
2. Các khoản tương đương tiền	112		34.000.000.000	33.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.6	30.000.000.000	15.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		30.000.000.000	15.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		195.721.027.210	171.654.509.339
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	202.894.366.629	166.104.792.026
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.720.994.560	5.813.055.389
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.909.223.185	9.374.365.671
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.3	(10.803.557.164)	(9.637.703.747)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.854.994.121	1.017.271.964
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		359.487.400	332.504.640
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		971.274.529	160.535.132
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.8	524.232.192	524.232.192
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		95.735.912.848	87.187.367.573
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.110.230.880	1.919.730.880
1. Phải thu dài hạn khác	216		2.110.230.880	1.919.730.880
II. Tài sản cố định	220		42.988.172.115	44.721.079.388
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.4	16.648.172.115	18.456.079.388
Nguyên giá	222		50.839.682.250	51.868.290.648
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.191.510.135)	(33.412.211.260)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.5	26.340.000.000	26.265.000.000
Nguyên giá	228		26.520.000.000	26.400.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(180.000.000)	(135.000.000)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.6	49.030.594.213	39.348.614.037
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		50.686.493.302	41.606.493.302
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		726.150.000	726.150.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.382.049.089)	(2.984.029.265)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.606.915.640	1.197.943.268
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.606.915.640	1.197.943.268
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		390.499.684.823	360.834.413.609

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		120.806.155.870	112.964.716.209
I. Nợ ngắn hạn	310		78.445.105.870	70.605.391.209
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.7	45.630.320.679	40.115.694.685
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		352.817.575	2.407.878.138
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.8	3.406.256.095	4.722.620.931
4. Phải trả người lao động	314	4.9	17.456.522.500	13.720.209.923
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		5.171.485.408	4.042.543.346
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.10	5.110.241.750	4.296.982.323
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.317.461.863	1.299.461.863
II. Nợ dài hạn	330		42.361.050.000	42.359.325.000
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.11	9.500.000.000	9.500.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.10	32.861.050.000	32.859.325.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		269.693.528.953	247.869.697.400
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.12.1	269.693.528.953	247.869.697.400
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		141.404.870.000	94.270.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		141.404.870.000	94.270.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.950.000.000	4.950.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		10.000.000.000	10.000.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		113.338.658.953	138.649.697.400
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		83.095.227.400	101.335.252.556
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		30.243.431.553	37.314.444.844
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		390.499.684.823	360.834.413.609



Vũ Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		729.154.403.208	1.096.727.838.424
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	729.154.403.208	1.096.727.838.424
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	687.373.125.063	1.037.218.516.708
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		41.781.278.145	59.509.321.716
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	32.049.154.287	23.047.432.179
6. Chi phí tài chính	22		4.959.479.288	3.224.698.742
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	25.054.178.037	25.465.675.915
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		43.816.775.107	53.866.379.238
9. Thu nhập khác	31		64.636.364	182.820.879
10. Chi phí khác	32		160.123.085	60.868.207
11. Lợi nhuận khác	40		(95.486.721)	121.952.672
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		43.721.288.386	53.988.331.910
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.6	6.407.613.333	10.074.987.066
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		37.313.675.053	43.913.344.844
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.12.4	2.586	3.043
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.12.4	2.586	3.043



Vũ Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		43.721.288.386	53.988.331.910
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.5	2.138.267.273	2.343.020.260
Các khoản dự phòng	03		563.873.241	3.067.386.888
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		351.346.546	142.457.183
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(24.898.123.219)	(16.066.759.847)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		21.876.652.227	43.474.436.394
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(25.560.804.031)	86.112.476.744
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		8.288.565.842	(75.356.652.283)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(435.955.132)	(460.821.136)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.8	(7.269.827.151)	(9.011.143.448)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(852.444.444)	(1.123.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.953.812.689)	43.634.796.271
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(405.360.000)	(1.837.696.397)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		63.636.364	612.996.632
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(25.000.000.000)	(15.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	928.500.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.000.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.109.933.431	15.883.938.968
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(231.790.205)	587.739.203

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	4.270.000.000
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.12.5	(14.611.843.500)	(18.512.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.611.843.500)	(14.242.400.000)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM				
(50 = 20 + 30 + 40)	50		(18.797.446.394)	29.980.135.474
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		85.975.264.733	55.560.434.999
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		9.932.305	434.694.260
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	67.187.750.644	85.975.264.733



Vũ Quốc Bảo
 Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Nam
 Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
 Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng, được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM ngày 24 tháng 06 năm 1999 về chuyển đổi Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 18 tháng 10 năm 2023 để cập nhật người đại diện pháp luật.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 141.404.870.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 310 người (31/12/2022: 312 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ vận tải.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động logistics;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Kinh doanh vận tải nội địa và quá cảnh (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Chuyển phát;
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu. Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý container cho các hãng tàu; cung ứng tàu biển. Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài. Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng. Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu. Dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tải chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện. Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Kinh doanh các dịch vụ về kho gom hàng lẻ xuất nhập khẩu (CFS). Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu. Kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.5. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ báo cáo

Trong năm nay, do nhu cầu của thị trường xuất nhập khẩu giảm mạnh dẫn đến thị trường ngành logistics bị ảnh hưởng tương ứng. Do đó, doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm nay giảm đáng kể so với năm trước.

1.6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các công ty liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên doanh, liên kết:					
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận Tải Miền Trung	Cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài; dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật	184 đường Trần Phú, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	27,89%	27,89%	27,89%
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	Lô KB13, đường T5, Khu thương mại - công nghiệp Kim Thành, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	30,00%	56,52%	56,52%
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết	Cung cấp dịch vụ đại lý vận chuyển quốc tế	Số 30 đường Phan Thúc Duyệt, Phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; gửi hàng; giao nhận hàng hóa; hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan	Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	Cung cấp dịch vụ vận tải và giao nhận hàng đông lạnh, hàng hóa xuất nhập khẩu; dịch vụ xây dựng và cho thuê kho bãi; dịch vụ xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị, nhà xưởng	18A Lưu Trọng Lư, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	25,00%	9,15%	9,15%
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	Cung cấp dịch vụ đại lý vận chuyển quốc tế	Số 46-48 đường Hậu Giang, Phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	50,00%	30,00%	30,00%
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Cung cấp dịch vụ đại lý vận tải biển, làm đại lý container, thực hiện các nghiệp vụ khác theo ủy quyền	Số 436 - 438 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	33,33%	20,00%	20,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.6. Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2023 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm 2000. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-001 với lần thay đổi gần nhất là vào ngày 29 tháng 07 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Ngành nghề hoạt động chính của chi nhánh là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-002 với lần thay đổi gần nhất là vào ngày 17 tháng 05 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Ngành nghề hoạt động chính của chi nhánh là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Chi nhánh tại Đà Nẵng được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-003 ngày 17 tháng 05 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp và Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 11 năm 2021. Ngành nghề hoạt động chính của chi nhánh là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Các đơn vị trực thuộc đều có cùng ngành nghề hoạt động chính với trụ sở chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng đối với việc ghi nhận doanh thu và chi phí trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank);
- Tỷ giá áp dụng đối với việc ghi nhận các khoản tài sản và công nợ là tỷ giá hạch toán từ 23.000 VND/USD đến 24.000 VND/USD;
- Tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá hạch toán từ 23.000 VND/USD đến 24.000 VND/USD.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4. Đầu tư tài chính (tiếp theo)

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên doanh khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết, công ty liên doanh và đơn vị khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng tổn thất được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư khác được tính dựa trên giá trị hợp lý nếu giá trị hợp lý được xác định một cách đáng tin cậy. Nếu không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 năm |
| ▪ Máy móc, thiết bị | 05 - 08 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 11 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 08 năm |

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Số 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích là từ 03 – 06 năm.

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.9. Lương

Căn cứ trên Quỹ lương được duyệt của Hội đồng quản trị.

3.10. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận là lợi nhuận nhận trước từ hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh từ đối tác. Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu phù hợp với thời gian hợp tác được quy định trên hợp đồng.

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.12. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

2023
CỔ
T
T
SM
PH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.14. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.15. Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Cước vận tải quốc tế: 0%;
- Dịch vụ liên quan vận tải đa phương thức và dịch vụ khác: 10%.

Theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 101/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 06 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023. Cụ thể, các dịch vụ do Công ty cung cấp được áp dụng thuế suất thuế GTGT 8%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.19. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	963.182.590	1.338.584.452
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.224.568.054	48.125.180.281
Tiền đang chuyển	-	3.511.500.000
Các khoản tương đương tiền (*)	34.000.000.000	33.000.000.000
Cộng	<u>67.187.750.644</u>	<u>85.975.264.733</u>

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng bằng VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam với lãi suất từ 3,1%/năm đến 4,6%/năm.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm Mục 7	105.146.149	23.242.846
Phải thu khách hàng trong nước:	194.505.502.742	161.254.297.620
<i>Công ty TNHH Techtronic Industries Việt Nam Manufacturing</i>	61.726.978.459	55.610.947.019
<i>Công ty Cổ phần Hàng Không Vietjet</i>	33.283.266.972	27.133.942.211
<i>Công ty TNHH Giao Nhận Daijin Việt Nam</i>	10.298.590.664	11.324.728.510
<i>Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Gia Bảo Hưng</i>	9.856.800.000	9.856.800.000
<i>Công ty TNHH Green Planet Distribution Centre</i>	8.930.154.486	-
<i>Công ty TNHH Logistics Đông Dương và Viễn Đông</i>	4.569.199.310	4.924.395.095
<i>Các khách hàng khác (*)</i>	65.840.512.851	52.403.484.785
Phải thu khách hàng nước ngoài:	8.283.717.738	4.827.251.560
<i>APG Australia Post Global Ecommerce Solutions (Aust)</i>	2.417.626.943	-
<i>Macmel Shipping Pte., Ltd</i>	1.659.965.395	75.044.267
<i>TPF Sports HK Ltd</i>	511.279.804	821.412.421
<i>Alisped Japan Ltd.</i>	122.295.096	1.033.975.923
<i>Các khách hàng khác (*)</i>	3.572.550.500	2.896.818.949
Cộng	202.894.366.629	166.104.792.026

(*) Tại ngày 31/12/2023, mỗi khoản phải thu các khách hàng khác có số dư nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	10.803.557.164	-	12.713.767.725	3.076.063.978

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo thời gian quá hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Gia Bảo Hưng	9.856.800.000	-	Trên 3 năm	9.856.800.000	2.957.040.000	Từ 2 năm – 3 năm
Công ty TNHH Một Thành Viên Thoát nước Hà Nội	-	-		2.042.078.500	-	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	946.757.164	-	Trên 3 năm	814.889.225	119.023.978	Từ trên 2 năm
Cộng	10.803.557.164	-		12.713.767.725	3.076.063.978	

(Xem tiếp trang sau)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2023	21.838.529.093	518.990.476	28.845.267.575	665.503.504	51.868.290.648
Tăng trong năm	-	148.960.000	-	136.400.000	285.360.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.313.968.398)	-	(1.313.968.398)
Tại ngày 31/12/2023	21.838.529.093	667.950.476	27.531.299.177	801.903.504	50.839.682.250
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2023	9.057.947.640	341.886.603	23.486.395.178	525.981.839	33.412.211.260
Khấu hao trong năm	876.507.132	56.045.179	1.107.028.296	53.686.666	2.093.267.273
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.313.968.398)	-	(1.313.968.398)
Tại ngày 31/12/2023	9.934.454.772	397.931.782	23.279.455.076	579.668.505	34.191.510.135
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2023	12.780.581.453	177.103.873	5.358.872.397	139.521.665	18.456.079.388
Tại ngày 31/12/2023	11.904.074.321	270.018.694	4.251.844.101	222.234.999	16.648.172.115

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 22.430.014.177 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2023	26.130.000.000	270.000.000	26.400.000.000
Mua sắm trong năm	-	120.000.000	120.000.000
Tại ngày 31/12/2023	26.130.000.000	390.000.000	26.520.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2023	-	135.000.000	135.000.000
Khấu hao trong năm	-	45.000.000	45.000.000
Tại ngày 31/12/2023	-	180.000.000	180.000.000
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2023	26.130.000.000	135.000.000	26.265.000.000
Tại ngày 31/12/2023	26.130.000.000	210.000.000	26.340.000.000

4.6. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam, lãi suất từ 7,2%/năm đến 8%/năm tại ngày 31/12/2023.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Đầu tư tài chính dài hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:						
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	19.120.589.000		2.382.049.089	19.120.589.000		2.984.029.265
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết	9.007.800.000		-	1.927.800.000		-
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung	8.784.000.000		-	8.784.000.000		-
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	4.000.000.000		-	2.000.000.000		-
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	4.908.430.302		-	4.908.430.302		-
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	3.918.874.000		-	3.918.874.000		-
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	946.800.000		-	946.800.000		-
Cộng	50.686.493.302		2.382.049.089	41.606.493.302		2.984.029.265

Đầu tư vào đơn vị khác:

Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vinatrans	726.150.000		-	726.150.000		-
-------------------------------------	-------------	--	---	-------------	--	---

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán trong nước:	22.603.435.686	22.603.435.686	18.360.688.823	18.360.688.823
<i>Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thuận Phát</i>	1.357.580.636	1.357.580.636	511.196.029	511.196.029
<i>Công ty TNHH Nguyễn Quyết</i>	1.328.593.840	1.328.593.840	609.152.400	609.152.400
<i>Công ty TNHH Đầu Tư và Thương mại Minh Phương Nam Hà Nội</i>	130.453.065	130.453.065	1.008.409.731	1.008.409.731
<i>Các nhà cung cấp khác (*)</i>	19.786.808.145	19.786.808.145	16.231.930.663	16.231.930.663
Phải trả người bán nước ngoài:	23.026.884.993	23.026.884.993	21.755.005.862	21.755.005.862
<i>Jag Ufs (International) Ltd</i>	3.156.975.353	3.156.975.353	396.117.059	396.117.059
<i>Express Line Corporation</i>	1.457.718.445	1.457.718.445	1.267.339.093	1.267.339.093
<i>BTX Global Logistics</i>	1.303.138.379	1.303.138.379	1.652.167.079	1.652.167.079
<i>Các nhà cung cấp khác (*)</i>	17.109.052.816	17.109.052.816	18.439.382.631	18.439.382.631
Cộng	45.630.320.679	45.630.320.679	40.115.694.685	40.115.694.685

(*) Tại ngày 31/12/2023, phải trả cho các nhà cung cấp khác ngắn hạn có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Trong năm VND			Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Đã khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	120.791.287	25.530.024.680	2.494.828.651	23.091.150.111	-	176.745.369
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.731.684.631	6.407.613.333	7.269.827.151	-	-	3.593.898.449
Thuế thu nhập cá nhân	-	460.678.575	7.238.298.842	7.641.708.722	-	-	864.088.455
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	524.232.192	-	1.531.658.394	1.531.658.394	-	524.232.192	-
Các loại thuế khác	-	93.101.602	1.018.951.380	1.013.738.436	-	-	87.888.658
Cộng	524.232.192	3.406.256.095	41.726.546.629	19.951.761.354	23.091.150.111	524.232.192	4.722.620.931

Trong năm 2018, Công ty Cổ phần Logistics Vinalink đã nhận được các văn bản từ các cơ quan hữu quan như sau:

- Thông báo số 14379/TB-CT-KTTĐ ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định lại đơn giá tiền thuê đất giai đoạn năm 2016 - 2020, theo đó đơn giá được xác định lại này thấp hơn so với đơn giá đang được Công ty áp dụng theo các Thông báo của Chi cục Thuế Quận 4;
- Biên bản làm việc giữa Chi cục Thuế Quận 4 và Công ty ngày 26 tháng 12 năm 2018, theo đó:
 - Chi cục Thuế Quận 4 đồng ý điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất năm 2018 theo Thông báo số 14379/TB-CT-KTTĐ ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và sau đó ban hành Thông báo số 163/CCT-TB ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc điều chỉnh tiền thuê đất phải nộp;
 - Trong thời gian chờ kết luận của Kiểm toán Nhà Nước đang tiến hành kiểm tra, Chi cục Thuế Quận 4 chưa điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất cho giai đoạn năm 2016 – 2017 cho Công ty.

Hiện tại, Chi cục Thuế Quận 4 vẫn chưa có quyết định điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất cho giai đoạn năm 2016 – 2017 cho Công ty.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Phải trả người lao động

Là quỹ lương năm 2023 còn phải trả cho người lao động tại ngày 31/12/2023.

4.10. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn:		
Hoa hồng phải trả	3.785.226.593	3.269.484.465
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.325.015.157	1.027.497.858
Cộng	<u>5.110.241.750</u>	<u>4.296.982.323</u>
Dài hạn:		
Tạm ứng tiền đền bù di dời (*)	32.800.000.000	32.800.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	61.050.000	59.325.000
Cộng	<u>32.861.050.000</u>	<u>32.859.325.000</u>

(*) Là khoản tiền tạm ứng 80% tổng giá trị đền bù di dời phục vụ dự án chuyển đổi công năng và khai thác kho bãi khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành mà Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội đã trả cho Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink theo Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - Xem thêm Mục 10.

4.11. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Là khoản lợi nhuận hợp tác kinh doanh nhận trước theo hợp đồng số 2391/HĐHT.12 ngày 14 tháng 11 năm 2014 còn lại chờ phân bổ - Xem thêm Mục 10.

Từ năm 2021, căn cứ vào tình hình thực tế, Công ty đã có Công văn số 420/2021/CV/VNL-ADM ngày 01 tháng 04 năm 2021 điều chỉnh kế hoạch phân bổ lợi nhuận hợp tác kinh doanh nhận trước của hợp đồng 2391/HĐHT.12 nêu trên cho thời gian còn lại phù hợp theo tiến độ thực hiện của hợp đồng.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Vốn chủ sở hữu

4.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Tổng cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2022	90.000.000.000	4.950.000.000	10.000.000.000	113.998.752.556	218.948.752.556
Tăng vốn trong năm 2022	4.270.000.000	-	-	-	4.270.000.000
Lãi trong năm 2022	-	-	-	43.913.344.844	43.913.344.844
Chia cổ tức đợt 2 và đợt 3 năm 2021	-	-	-	(11.913.500.000)	(11.913.500.000)
Chia cổ tức đợt 1 năm 2022	-	-	-	(6.598.900.000)	(6.598.900.000)
Trích lập Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021	-	-	-	(750.000.000)	(750.000.000)
Tại ngày 01/01/2023	94.270.000.000	4.950.000.000	10.000.000.000	138.649.697.400	247.869.697.400
Lãi trong năm 2023	-	-	-	37.313.675.053	37.313.675.053
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	47.134.870.000	-	-	(47.134.870.000)	-
Chia cổ tức đợt 2 năm 2022	-	-	-	(7.541.600.000)	(7.541.600.000)
Chia cổ tức đợt 1 năm 2023	-	-	-	(7.070.243.500)	(7.070.243.500)
Trích lập Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022	-	-	-	(878.000.000)	(878.000.000)
Tại ngày 31/12/2023	141.404.870.000	4.950.000.000	10.000.000.000	113.338.658.953	269.693.528.953

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

Vào ngày 27 tháng 06 năm 2023, Công ty đã nhận được Công văn số 4034/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) thông báo về việc đã công bố trên trang thông tin điện tử của UBCKNN về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty. Việc phát hành cổ phiếu này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 301/2023/NQ/VNL-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2023 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 313/2023/NQ/VNL-HĐQT ngày 08 tháng 05 năm 2023 với phương án phát hành 4.713.500 cổ phiếu, tương ứng 50% số lượng cổ phiếu đang lưu hành với mục đích chi trả cổ tức cho cổ đông.

Việc phát hành đã được hoàn thành vào ngày 25 tháng 07 năm 2023, với tổng số cổ phiếu đã phân phối là 4.713.487 cổ phiếu, tương ứng xấp xỉ 100% tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành để trả cổ tức.

Vào ngày 04 tháng 08 năm 2023, Công ty đã nhận được Công văn số 5182/UBCK-QLCB của UBCKNN thông báo nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty với số lượng cổ phiếu Công ty đã phát hành để trả cổ tức là 4.713.487 cổ phiếu. Theo đó, vốn điều lệ (theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu) của Công ty tăng từ 94.270.000.000 VND lên 141.404.870.000 VND.

Công ty đã hoàn tất điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi với vốn điều lệ là 141.404.870.000 VND và các thủ tục về đăng ký, lưu ký, niêm yết cổ phiếu bổ sung với Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

4.12.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn góp tại ngày 01/01	94.270.000.000	90.000.000.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	47.134.870.000	-
Chào bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	-	4.270.000.000
Vốn góp tại ngày 31/12	141.404.870.000	94.270.000.000

4.12.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	14.140.487	9.427.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	14.140.487	9.427.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	14.140.487	9.427.000

Mệnh giá cổ phần phổ thông đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	37.313.675.053	43.913.344.844
Trích quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (*)	(746.273.501)	(878.000.000)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	36.567.401.552	43.035.344.844
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (**)	14.140.487	14.140.487
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	2.586	3.043

(*) Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (Quỹ khen thưởng phúc lợi) được trừ ra khi tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tạm tính dựa vào tỷ lệ phân bổ trên lợi nhuận sau thuế năm 2023 là 2% theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 04 năm 2023.

(**) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ được tính như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	9.427.000	9.000.000
Ảnh hưởng của 427.000 cổ phiếu phổ thông chào bán cho người lao động ngày 05 tháng 04 năm 2022	-	427.000
Ảnh hưởng của 4.713.487 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 25 tháng 07 năm 2023 để chia cổ tức được điều chỉnh tăng theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30	4.713.487	4.713.487
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	14.140.487	14.140.487

4.12.5. Cổ tức

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	(14.611.843.500)	(18.512.400.000)

4.13. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Ngoại tệ các loại:		
USD	128.016,30	1.064.899,72
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Nợ khó đòi đã xử lý do không còn khả năng thu hồi:		
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Kim Hợp Phát	999.534.500	999.534.500
Công ty TNHH Techcom Life Technologies Việt Nam	426.723.472	426.723.472
Cộng	1.426.257.972	1.426.257.972

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu trụ sở TP. Hồ Chí Minh:	484.077.874.931	709.756.762.392
<i>Dịch vụ hàng không</i>	224.169.428.663	321.251.640.458
<i>Dịch vụ đường biển</i>	159.948.796.132	297.963.944.451
<i>Dịch vụ logistics</i>	99.959.650.136	90.541.177.483
Doanh thu chi nhánh Hà Nội	209.682.257.228	342.004.388.968
Doanh thu chi nhánh Hải Phòng	28.503.454.082	31.615.433.783
Doanh thu chi nhánh Đà Nẵng	6.890.816.967	13.351.253.281
Cộng	729.154.403.208	1.096.727.838.424

Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên có liên quan - Xem thêm Mục 7

1.386.298.983

1.112.489.927

Mục 1.5 của Bản thuyết minh này trình bày nguyên nhân giảm doanh thu năm nay so với năm trước.

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn trụ sở TP. Hồ Chí Minh:	442.159.788.156	654.524.982.537
<i>Dịch vụ hàng không</i>	201.509.832.452	296.656.616.198
<i>Dịch vụ đường biển</i>	142.726.574.538	274.594.710.360
<i>Dịch vụ logistics</i>	97.923.381.166	83.273.655.979
Giá vốn chi nhánh Hà Nội	210.232.571.035	344.195.028.377
Giá vốn chi nhánh Hải Phòng	27.008.217.738	22.777.188.078
Giá vốn chi nhánh Đà Nẵng	7.972.548.134	15.721.317.716
Cộng	687.373.125.063	1.037.218.516.708

Giá vốn hàng bán giảm tương ứng với doanh thu giảm.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	21.402.549.521	14.962.869.667
Lãi tiền gửi	3.431.937.334	1.154.817.246
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.214.667.432	6.929.745.266
Cộng	32.049.154.287	23.047.432.179

Doanh thu tài chính tăng đáng kể so với năm trước chủ yếu do các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty liên doanh, liên kết năm nay tăng.

5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên	13.889.686.094	12.140.799.971
Chi phí vật liệu	104.028.231	300.369.731
Chi phí đồ dùng văn phòng	42.483.500	52.146.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.183.008.617	1.038.218.173
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.165.853.417	4.209.203.747
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.284.183.581	5.771.354.043
Các khoản chi phí khác	1.384.934.597	1.953.583.750
Cộng	25.054.178.037	25.465.675.915

5.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân công	80.264.728.526	87.576.175.271
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.138.267.273	2.343.020.260
Chi phí dự phòng nợ phải thu	1.165.853.417	4.209.203.747
Chi phí dịch vụ mua ngoài	590.580.120.908	924.186.308.334
Chi phí khác bằng tiền	38.278.332.976	44.369.485.011
Cộng	712.427.303.100	1.062.684.192.623

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	6.231.684.631	9.993.898.449
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	175.928.702	81.088.617
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	6.407.613.333	10.074.987.066

(*) Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	43.721.288.386	53.988.331.910
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	12.725.470.689	17.756.926.242
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(25.288.335.920)</u>	<u>(21.775.765.909)</u>
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	31.158.423.155	49.969.492.243
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.231.684.631	9.993.898.449

Các khoản điều chỉnh tăng/giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế TNDN:

- Các khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ;
- Các khoản phạt thuế;
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi;
- Chi phí trích trước chưa có hóa đơn;
- Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản tiền, công nợ phải thu có gốc ngoại tệ cuối kỳ;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

- Miền Nam: Thành phố Hồ Chí Minh;
- Miền Bắc: Thành phố Hà Nội và Thành phố Hải Phòng;
- Miền Trung: Thành phố Đà Nẵng.

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Miền Nam		Miền Bắc		Miền Trung		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu										
Từ khách hàng bên ngoài	484.078	709.757	238.186	373.620	6.891	13.351	-	-	729.154	1.096.728
Giữa các bộ phận	7.479	11.876	48.743	50.889	1.617	3.072	(57.839)	(65.837)	-	-
Cộng	491.557	721.632	286.929	424.509	8.508	16.423	(57.839)	(65.837)	729.154	1.096.728
Kết quả hoạt động kinh doanh										
Kết quả của bộ phận	41.576	56.830	(165)	2.260	369	419	-	-	41.781	59.509
Chi phí không phân bổ									(25.054)	(25.466)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính									16.727	34.043
Thu nhập tài chính									32.049	23.047
Chi phí tài chính									(4.959)	(3.225)
Lợi nhuận khác									(95)	122
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(6.408)	(10.075)
Lợi nhuận sau thuế									37.314	43.913

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Miền Nam		Miền Bắc		Miền Trung		Loại trừ		Tổng cộng	
	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023
Tài sản của bộ phận	374.593	342.270	70.351	63.452	3.114	3.906	(57.558)	(48.794)	390.500	360.834
Tổng tài sản									390.500	360.834
Nợ phải trả của bộ phận	105.730	98.328	69.893	59.947	2.741	3.483	(57.558)	(48.794)	120.806	112.964
Tổng nợ phải trả									120.806	112.964
	Miền Nam		Miền Bắc		Miền Trung		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí mua sắm tài sản	405	1.838	-	-	-	-	-	-	405	1.838
Chi phí khấu hao	1.998	2.149	140	194	-	-	-	-	2.138	2.343

Công ty không có báo cáo bộ phận theo ngành nghề vì Công ty hiện chỉ đang hoạt động theo ngành nghề giao nhận vận tải, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo ngành nghề cần thiết phải thuyết minh.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung	Công ty liên kết
2. Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	Công ty liên kết
3. Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết	Công ty liên kết
4. Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	Công ty liên kết
5. Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	Công ty liên doanh
6. Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	Công ty liên doanh
7. Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Công ty liên doanh
8. Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng:		
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	103.850.149	19.348.843
Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Vinalink	1.296.000	3.894.003
Cộng - Xem thêm Mục 4.2	105.146.149	23.242.846
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	700.000.000	1.000.000.000
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cung cấp dịch vụ:		
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	1.230.283.502	167.830.073
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	79.180.500	-
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung	64.863.025	932.835.251
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	11.971.956	10.236.872
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết	-	1.587.731
Cộng - Xem thêm Mục 5.1	1.386.298.983	1.112.489.927

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Nhận cung cấp dịch vụ:		
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	1.266.660.772	1.339.120.434
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	224.299.861	145.781.817
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	870.192.993	127.832.486
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung	24.120.228	43.553.359
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	276.117.003	-
Cộng	2.661.390.857	1.656.288.096

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là theo giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Góp vốn từ lợi nhuận được chia:		
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết	7.080.000.000	-
Góp vốn bằng tiền:		
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	2.000.000.000	-
Cộng	9.080.000.000	-

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia:		
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết	14.580.000.000	7.500.000.000
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	2.900.000.000	6.000.000.000
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	1.522.549.521	1.062.869.667
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	2.400.000.000	400.000.000
Cộng - Xem thêm Mục 5.3	21.402.549.521	14.962.869.667

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2023 VND</u>	<u>Năm 2022 VND</u>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 22/09/2023)	1.886.752.190	2.727.996.783
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch ngày 22/09/2023)	485.000.000	514.000.000
Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc (bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám Đốc ngày 22/09/2023)	1.771.311.434	2.460.424.700
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT	94.500.000	90.000.000
Ông Đỗ Phú Kim	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 26/04/2023)	27.000.000	-
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 26/04/2023)	9.000.000	76.500.000
Bà Phan Phương Tuyền	Trưởng Ban Kiểm soát	94.500.000	90.000.000
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên Ban Kiểm soát	31.500.000	30.000.000
Bà Trang Anh Xuân	Thành viên Ban Kiểm soát	31.500.000	30.000.000
Cộng		<u>4.431.063.624</u>	<u>6.018.921.483</u>
		<u>Năm 2023 VND</u>	<u>Năm 2022 VND</u>
Cổ tức đã chia:			
Ông Vũ Thế Đức		501.766.000	647.440.000
Ông Nguyễn Nam Tiến		157.418.000	193.520.000
Ông Vũ Quốc Bảo		111.600.000	134.400.000
Ông Nguyễn Quốc Huy		33.743.500	43.540.000
Bà Phan Phương Tuyền		6.804.500	8.780.000
Bà Lê Thị Ngọc Anh		3.394.500	4.380.000
Bà Trang Anh Xuân		131.672.500	169.900.000
Cộng		<u>946.399.000</u>	<u>1.201.960.000</u>

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm 2022 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2022 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.043	4.620
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.043	4.620

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh của lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu là do trong năm Công ty đã phát hành 4.713.487 cổ phiếu vào ngày 25 tháng 07 năm 2023 để trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 301/2023/NQ/VNL-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2023 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 313/2023/NQ/VNL-HĐQT ngày 08 tháng 05 năm 2023. Do đó, theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu, chỉ tiêu Lãi cơ bản và Lãi suy giảm trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại nhằm đảm bảo tính so sánh.

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 124/2024/NQ/VNL-HĐQT thông qua ngày 29/02/2024, Công ty đã phê duyệt phương án thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ là 7% mệnh giá cổ phần (700 đồng/cổ phần), tương ứng với số tiền là 9.898.340.900 VND. Ngày chi trả cổ tức dự kiến là ngày 16/04/2024.

Ngoài việc công bố cổ tức như đã nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2023 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

(Xem tiếp trang sau)

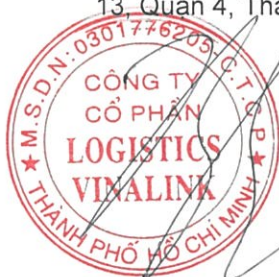
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

10. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Ngày 14/11/2014, Công ty có ký kết Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh số 2391/HĐHT.12 và Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 về việc đền bù di dời phục vụ dự án tại số 145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội. Theo hợp đồng số 2391/HĐHT.12, Công ty nhận trước tiền phân chia lợi nhuận hợp tác khoán gọn đến ngày 31/07/2029 với số tiền là 36 tỷ VND và được phân bổ vào doanh thu hằng năm dựa vào lịch trình theo công văn số 1360/2016/CV/VNL-ADM ngày 01/10/2016 và Công văn số 420/2021/CV/VNL-ADM ngày 01/04/2021. Và theo hợp đồng số 2392/HĐĐB.14, Công ty sẽ bàn giao toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại văn phòng Công ty (gồm toàn bộ hệ thống kho với tổng diện tích sàn kho 9.397,08 m², văn phòng làm việc, nhà bếp, nhà ăn, toàn bộ sân xi măng bên trong khuôn viên và các hạng mục phụ trợ như hệ thống chiếu sáng, hệ thống PCCC, hệ thống cấp thoát nước, tường rào, trạm điện hiện diện trên khu đất) để Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội quản lý, khai thác. Theo thỏa thuận trên hợp đồng, Công ty sẽ bàn giao cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội toàn bộ tài sản trên khu đất và từ chối mọi quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến tài sản trên khu đất bao gồm cả quyền quản lý, khai thác khu đất cho đến khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội được làm chủ đầu tư dự án. Việc di dời các hoạt động hiện tại của Công ty đi nơi khác sẽ được thực hiện chậm nhất 24 tháng sau ngày ký kết các hợp đồng này.

Đến tháng 01 năm 2019, Công ty đã di dời hoạt động sang địa điểm kinh doanh mới tại Số 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh và bàn giao toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại mặt bằng 145 – 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh nói trên.

Tuy nhiên, đến nay các Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh và Hợp đồng nguyên tắc như trên vẫn chưa được thanh lý do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh chưa có quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án và các quyết định có liên quan tại địa điểm 145 – 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.



Vũ Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2024